

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|--|-----------------------|
| * Một vấn-đề rất đáng chú-ý... (Hết) | Hoa-Bằng |
| * Trịnh Sâm | Ứng-Hòa |
| * Thanh-niên sau lũy tre (I) | Minh-Tuyên |
| * Đại Nam dật-sự (XV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Nam dân bát châu thi thảo (VXIII) | Tùng-Vân |
| * Những ông nghề triều Lê (LXVIII) | Ứng-Hòa |
| * Vũ như Tô (Kịch lịch sử, II) | Nguyễn-huy-Tướng |
| * Chức Thống chế triều Nguyễn... | Tiền-Đàm |
| * Thiên-Y-A-Na (Hết) | Dương-Kỵ |
| * Tùy hứng | Bà Văn-Đài, Lam-Giang |
| | Lãng-ngâm-Tử |
| | Vân-Thạch, Đình-Phát |
| * Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, X) | Chu-Thiên |



Tòa báo: 95-97, Chancéaulme, Hanoi

Mỗi số 0\$30 — Một năm 12\$00 — 6 tháng 6\$50 — 3 tháng 3\$50

Một vấn-đề rất đáng chú-ý

TRONG VĂN-HỌC VÀ SỬ-HỌC

I. — Diệu-Trang-vương phải chăng là một ông chúa Trịnh?

II. — Chúa Ba Diệu-Thiện phải chăng là một cô gái Việt-nam?

III. — Hương-sơn trong Quán-thế-âm chân-kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-đông?

Số 2

HOA-BÀNG.

Nhưng xem lại Quốc-sử đời Lê Trung-hưng (1533 — 1786), tôi chưa thấy một sử-thực (fait historique) nào phù-hợp với tình-tiết trong truyện *Bà Chúa Ba* ấy...

Cố tìm mấy trang tiền-sử các chúa Trịnh, chỉ thấy Trịnh Giang (1729-1740) có mấy điểm này gọi là hơi giống trong truyện chút đỉnh:

1) Giang là người dâm bạo: phế Đế-Duy-Phường (1729-1731) làm Hòn-dức công và giết đại-thần Nguyễn Hăng (Khâm định Việt sử quyển 37, tờ 24b-27b). Lại loạn-luân cả với vợ lẽ của cha. Trịnh Cương, 1709-1729), Kỳ-viên-phi Đặng-thị (1). Rồi thái-phi Vũ-thị biết việc đó, bức-bách Đặng-thị phải tự-tử (theo *Vũ trung tùy bút lục*).

2) Giang, đối với Phật-giáo, có ý bài-xích. Ngày 29 tháng giêng, năm Long-dức thứ hai (1733) Trịnh Giang ra lệnh: phạm các tượng Phật đã được phép làm đủ bằng đá hay bằng gỗ, mỗi chiều cũng chỉ được dài ba thước tía, chứ không được làm quá kích thước ấy. Nếu đâu không tuân thì quan sở-tại bằm lên quan trên: chẳng lẽ ư ư không cho phép làm mà lại bắt phạt nữa. (Theo *Trịnh gia cị nhĩ phả của Nhật-Nham*).

3) Giang có tật sợ sấm. Giang làm việc thí-nghịch, dâm dật vô độ, ngày càng xa-xỉ tiếm-thiết. Rồi mắc cái tật sợ sấm. Bọn hoạn-giả Hoàng-công - Phụ gạt-gẫm Giang: đào đất làm cái Thuởng-trì cung (Có tên nữa là Tiên-cung, tức cái nền cũ của cung Thuởng-xuân triều Lý, ở xã Hoàng-mai, huyện Thanh-trì). (2) đề ở, bèn không ra khỏi đó nữa. (Theo *Khâm định Việt sử*, quyển 38, tờ 15 a).

4) Khi Uy-vương (Trịnh Giang) mắc tật, mọi kẻ tiểu-nhân làm loạn triều chính, bốn phương giặc-cướp nổi lên như ong. Một người hoạn-quan bàn lập một Hoàng-tử, rồi vào núi dấy nghĩa binh đề gây thành nghiệp lớn; nhưng Đỗ Thế-Giai và Hoàng Ngũ-Phúc không nghe, song đề ý vào Trịnh Doanh là con thứ tư của mẹ Uy-vương, tức là em ruột Trịnh-Giang. Không bao lâu, Uy-vương nhường ngôi, Doanh lên làm chúa, ấy là Minh vương (1740 - 1767). (Theo *Tang thương ngẫu lục* quyển trên, tờ 20).

5) Uy-vương tên là Giang, gần âm với Trang.

Điểm thứ nhất giống Trang-vương nước Hương-lâm ở chỗ

bạo nghịch: xâm-phạm tự-do tín-ngưỡng của người, hành-bạ con gái là chúa Ba Diệu-Thiện.

Điểm thứ hai giống Trang-vương ở chỗ bài Phật: đốt chùa Bạch-lước, thiêu sống 500 sư.

Điểm thứ ba giống Trang-vương ở chỗ mắc tật nhưng là bệnh phong.

Điểm thứ tư giống Trang-vương là truyền ngôi chúa cho một người không phải là con.

Điểm thứ năm giống ở chỗ tên gọi gần âm nhau.

Dẫu vậy, ta cũng không thể căn-cứ vào mấy điểm hơi giống ấy mà vội vủ đoán Trang-vương trong truyện *Bà Chúa Ba* là chúa Trịnh Giang được. Vì nhiều lẽ như dưới:

a) Trịnh Giang thọ 51 tuổi, có những 4 con gái (Trịnh Bồng, Trịnh Trù, Quận Cạn và Trịnh Bồi). Như vậy rất khác với Trang-vương trong truyện *Bà Chúa Ba* chỉ có ba con gái.

b) Hương-sơn, không hề ở Tàu, ngay ở nước ta cũng có đến mấy trái núi ở mấy chỗ khác nhau mà cũng kêu là Hương-sơn, như Hương-sơn ở Hoan châu (Thanh-hóa), Hương-sơn ở phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây và Hương sơn ở hạt Hà-đông. Còn Hương-sơn trong kinh

Phật thì ở về phía bắc Tuyết-sơn. Tuyết-sơn tức là Tu-di-sơn, nay là núi Hỉ-mã-lạp-nhã (Himalaya). Như vậy Hương-sơn trong truyện Bà Chúa Ba khó thể cho là Hương-sơn ở Hà-dòng bên nước ta được.

c) Những việc như vua đốt chùa, thiêu sư, và xuất gia này khác đều là quốc-gia đại sự cả, sao không thấy Quốc-sử chép đến?

Vậy, dựa vào những lý-cớ trên, ta nay không thể cho bà chúa Ba và Trang-vương v. v. là nhân-vật ở nước ta được.

d) Bản Chân-kinh này là do chính tay đức Quán-thế-âm, Diệu-Thiền tiên-cô, công-chúa thứ ba nước Hưng-lâm, làm ra. Nguyên văn vốn là tiếng phạn, thì sự-tích tất nhiên là ở bên nước Ấn-độ, chứ không phải là sự-tích ở nước Nam ta. Khoảng năm bình-thần đời Minh Vĩnh-lạc (niên-hiệu vua Minh-Thành-tổ, 1403-1424), bản Chân-kinh ấy truyền sang nước Tàu. Đến năm bình-ngọ đời Thanh Khang-hi (niên-hiệu vua Thanh Thánh-tổ, 1662-1723), người Tàu là Quảng-Dã sơn-nhân dịch ra chữ nho. Chẳng hạn, chỗ Phật Nhiên-Đăng chỉ-diêm về đạo-lý cho chúa Ba, nguyên hán dịch có những câu như:

« ... Chỉ ư chi thiện tại hà xứ?
« Tri chỉ định lĩnh khả đắc văn?
« Tu-hành bất minh giá tá lý,
« Chỉ khiết mê trai, uổng phí tâm...

« Bất quá bất khiêm lục súc trái,
« Nan miễn hồng-trần chuyển hồi luân! »

Thống - chế Pétain

đã nói :

« Bản chức muốn rằng ai nấy đều biết giữ địa vị riêng làm cách sửa mình và tuân theo thượng lệnh. Sự cứu-vãn Quốc gia được hoàn-toàn cũng là nhờ ở cuộc hợp nhất của tất cả các người Pháp ».

止於至善在何處
知止定靜可得聞
修行不明這些理
只喫迷齋枉費心
不過不欠六畜債
難免紅塵轉圓輪

(Đâu là tình thiện của ta?
Cho hay định tĩnh ấy là
đường ngay.
Chỉ chăm một việc ăn chay,
Chẳng qua lục súc khỏi nay
luân hồi.
Phật đường kia dầu xa-xôi,
Hết mình nhờ-đức, ấy ngồi toạ
sen.)

— Bản dịch của cụ Kiều Oánh-Mậu
Sở dĩ tôi dẫn mấy câu nguyên
dịch bằng hán-văn ra đây, là cốt
để rằng bản Chân kinh mà ta
dịch làm truyện Bà Chúa Ba kia
nguyên có từ phạn-van, rồi
chuyển sang hán-văn, chứ không
phải sự-tích ở chính bên ta, rồi
mấy cụ nhà mình cứ theo sự thực
mà sáng tác ra truyện ấy.

Như vậy truyện Bà Chúa Ba
là ta dựa vào bản nguyên hán dịch
của Quảng Dã sơn-nhân đời Thanh
rồi làm cho an-nam-hoa, cũng như
truyện Kiều của cụ Nguyễn Du là
dựa theo bản tiêu-thuyết tàu của

Thanh-Tâm tài-nhân mà diêm-xuyết các tình-tiết trong truyện cho
hợp với tâm lý người Nam ta vậy.

Để giúp cho lý-lẽ trên được vững
thêm, tôi xin trích dịch bài Tựa
bằng chữ hán của cụ Giá-sơn Kiều-
Oánh-Mậu đề ở đầu cuốn Hương
sơn Quán-thế-âm chân kinh mà
cụ đã dịch và cho in hồi tháng 10
năm kỷ-dậu (novembre 1909) như
kỷ trước đã nói.

« ... Xét ra: nước Hưng-lâm
vẫn có địa - giới mình - bạch
trong kinh, nay dầu chưa rành
đề khảo chứng được, nhưng cứ
như kinh điển nhà Phật đã
dẫn thì đại-đề các nước, Phật
giáo hay bị đạo Bà-la-môn
ngàn trở. Mà ho vua Trang
vương thì là Bà-la. Thế thì
Hưng-lâm là một trong các
bang của Cồ Ấn độ, không còn
phải ngờ nữa.

« ... Trang vương lên núi hoàn
nguyện... Việc quán vương thân
di, là một điển-lễ trọng thể của
nước nhà, thế sao Việt sử của
ta không có một lời nào nói
tới? Vậy ra Nam sử không đủ
tin cả sao? Dành rằng bắt
tất phải nhận hẳn Hương-sơn
trong Chân Kinh là Hương sơn
của nước Nam ta, nhưng, trong
ý-tưởng, cũng nên coi Hương
sơn của ta nghiêm-nhiên là
Hương-sơn thật, nơi đức Quán-
thế-âm đã tu luyện thành Phật
đây, có thể thôi. » (Tựa, tờ
3 b — 4 a).

Như vậy cái thuyết cho Trang-
Vương là một chúa Trịnh, bà
Chúa Ba là người nước ta quyết
không thể đứng vững được.

(Hết)

HOA BẢNG

1) Đặng thị, người làng Trờ đời g
(tục gọi làng Chè), huyện Tiên-du.
Bắc ninh, hiếp là Kỳ-viện phi, ái-
cơ của Trịnh-Cương.

2) Trong Tang thương ngữ lục
chép là « Thương liên cung » (quyển
dưới, tờ 35 b).

TRỊNH-SÂM

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

NHÂN có quyền *Tĩnh-dô-vương* và thời *Lê-mạt* của ông Phan-Trần Chúc (xem *Tri-tân*, số 121, trang 16), tôi theo sách chữ nho chép lại truyện Trịnh Sâm như sau đây.

Trịnh Sâm là con trưởng Trịnh Doanh (1740-1767). Sinh mừng chín tháng hai năm kỷ-mùi 1739 (*Trịnh-gia-thế-phả*, bản sao của Trương Bắc-cổ, số A 1821, tờ 20a).

Tháng mười năm mậu - dần 1758, được phong làm tiết-chế thủy-bộ chư-quân thái-úy Tĩnh-quốc-công, mở phủ Lương-quốc. Phạm trong nước có việc gì quan-hệ, Trịnh Doanh đều giao cho Trịnh Sâm định-đoạt.

Giảng-quan là Nguyễn-Hoãn làm mười bài châm (lời khuyên-ran) đề tiến Trịnh Sâm; đầu đề mười bài ấy dịch nghĩa như sau: 1, chính lòng vua; 2, rộng học-vấn; 3, sửa việc nhà; 4, phòng-ngừa kẻ càn-tập; 5, chính-sự duy nhất; 6, cần-thận việc sai-phải cất nhắc; 7, rộng nghe và dung nạp; 8, giữ qui-mô đời trước; 9, biểu-lệnh phải nhất định; 10, xét việc nên khoan hay nên nghiêm. Trịnh Sâm đều nhận lời cả (*Khâm-định Việt sử*, quyển 42, tờ 4 b-5 a).

Năm đình-hội 1767 Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm nối ngôi, tự phong làm nguyên-soái tổng quốc-chính Tĩnh-dô-vương. Tháng 8 năm kỷ-sử 1769 tự tiến phong làm đại-nguyên-soái tổng quốc-chính

định *Việt sử*, quyển 43, tờ 3 a và 25 b). Tháng 10 năm canh-dần 1770, tự cho mình là công-đức một ngày một nhiều, giả mệnh vua Lê Cảnh-hưng tự tiến phong tước đại-nguyên-soái tổng quốc-chính thượng-sự thượng-phụ duệ-đoán văn-công vũ-đức Tĩnh-vương (*Khâm-định Việt sử*, quyển 43, tờ 30 a). Nếu gọi tắt, nên gọi là Tĩnh-vương, chứ không phải «Tĩnh-dô-vương», vì tước «Tĩnh-dô-vương» là tước mới phong, không phải là tước phong sau cùng.

Đẹp giặc ở động Mãnh-thiên. — Tháng 6 năm đình-hội 1767, giặc cỏ là Hoàng-văn-Chất chiếm giữ động Mãnh-thiên, ở phía bắc châu Ninh-biên, trấn Hưng-hóa (chữ động ở đây là chỗ Mường Mán ở *Khâm-định Việt sử*, quyển 43, tờ 7 a). Tháng 10 Hoàng-văn-Chất đi cướp châu Mai, châu Mộc (Hưng-hóa), rồi chia đồ đảng đi cướp châu Quan-da (thuộc phủ Thọ-xuân), sách Cồ-lũng và sách Thiết-úng (thuộc huyện Cẩm-thủy, sách ở đây là làng của Mường Mán), động Ái-chử (thuộc châu Quan-da), động Bất-một (thuộc châu Lang-chánh) đều ở trấn Thanh-hoa. Lại mưu đánh úp huyện Phụng-hóa (thuộc phủ Thiên-quan, trấn Ninh-bình). Nhân giữ châu Lang-chánh đề dòm-dỏ phủ An-tràng, hợp quân được hơn một vạn. Hai Trấn đều báo tin về đón Trịnh Sâm. Trịnh Sâm sai

thiếu-phó là Phường-nghĩa hầu Trịnh Phường đem quân bản-bộ đến Hưng-hóa, Diên-vũ-hầu Nguyễn-trọng-Điền đem quân bản-bộ đến Thanh-hoa, theo trấn-thủ Nguyễn-đình-diễn hợp quân tiến đánh. Hoàng-văn-Chất trốn về (*Khâm-định Việt sử*, quyển 43, tờ 14 a) - giữ động Mãnh-thiên. Nhân hiềm cướp bóc, chiếm đất mười châu (Chiêu-tấn, Quỳnh-nhai, Lai-châu, Ninh-biên bảy giờ đều thuộc Hưng-hóa, Quảng-lãng, Hoàng-nham thuộc Văn-nam, Hợp-phì, Lễ-tuyên, Tuy-phụ và Khiêm-châu chưa rõ chỗ nào).

Đến tháng giêng năm mậu-tý 1768, lưu-thủ Sơn-tây là Hoàng-phùng-Cơ xin Trịnh Sâm cho các đạo quân cùng hợp đề đánh dẹp. Trịnh Sâm y cho, mới sai trấn-thủ Hải-dương là Phạm-Ngô-Cầu làm chức hiệp-thống-linh, Phan-lê-Phan làm chức tán-lý, Nguyễn-xuân-Huyền làm chức hiệp-đồng, cùng với hoạn-giả là Nguyễn-đình-Huấn làm chánh (thống-linh các đạo quân Thanh-hoa, Sơn-tây và Hưng-hóa, Tiến đánh Thanh-châu).

Nguyễn-đình-Huấn do-dự không chịu tiến, Trịnh Sâm phải che-Đoàn-Nguyễn-Thục thay làm chức chánh thống-linh. Đến tháng giêng năm kỷ-sử 1769 Đoàn-Nguyễn-Thục vào Thanh-châu, dẹp yên động Mãnh-thiên (*Khâm-định Việt sử*, quyển 43, tờ 20 b-21 b).

Đánh được Lê-duy-Mật ở Trấn-ninh. — Lê-duy-Mật là con vua Lê-Dụ-Tông (1705-1727) giận nhà Lê mất quyền, Trịnh Giang thi-nghịch, khởi binh từ năm 1738 trong đời Trịnh Doanh, là em Trịnh-Giang, đánh mãi không nổi

Đến năm 1769 Trịnh-Sâm dẹp mới yên. Việc dùng binh trong đời Trịnh-Sâm chép như dưới đây:

Nguyên trước Lê-duy-Mật ra vào Sơn-tây, Thanh-hoa, rồi vào Trấn-ninh, ở thành Trinh-quang, dân dân sinh tụ, gồm cả dân Lào ở châu Qui, châu Cao, châu Trà và châu Qui-hợp, thanh-thế càng ngày càng mạnh.

Khi Trịnh-Sâm nối ngôi, sai tham-ngự Nghệ-an là Nguyễn-mậu-Dĩnh đem sắc đến dụ, không được, rồi về. Đến tháng chín năm kỷ-sử 1769, Trịnh-Sâm quyết kế dùng quân, đem việc ấy thân bảo sư-dõ và sai Bùi-thế-Đạt, thống-linh Nghệ-an, Nguyễn-Phan, chánh đốc-linh Thanh-hoa, Hoàng-dĩnh-Thế, đốc-linh Hưng-hóa, đem ba đạo binh-mã đi đánh Lê-duy-Mật (*Khâm-dịnh Việt-sử*), quyển 43, tờ 26 a-b).

Tháng giêng năm Canh-dần 1770, Bùi-thế-Đạt và Nguyễn-Phan, đánh được Lê-duy-Mật ở núi Trinh-quang thuộc phủ Trấn-ninh bấy giờ. Lê-duy-Mật tự đốt cháy chết, thế là Trấn-ninh được yên.

Khi mới bàn việc dùng quân đi đánh, các quan trong ngoài đều cho là khó vì hiểm và xa; duy có một mình Trịnh-Sâm tính là chắc được: mưu-cơ tướng-lược tự Trịnh-Sâm bày ra; sau được toàn-thắng; vì thế Trịnh-Sâm sinh ra ham việc binh và tự-kieu (*Khâm-dịnh Việt-sử*), quyển 43, tờ 28a-29 a).

Trịnh-Lệ mưu giết Trịnh-Sâm bị bỏ ngục. — Trịnh-Lệ là em Trịnh-Sâm, người minh-tuệ cơ trí. Khi Trịnh-Doanh còn, Lệ thường có ý cướp ngôi của anh. Trước học Phạm-huy-Cơ. Huy-Cơ có tội bị giam cầm, đem lòng oán giận,

ngâm sui Trịnh-Lệ làm việc phi pháp dựng đặt bè-dảng làm vấy cánh, đem Dương-trọng-Khiêm và Nguyễn-huy-Bá làm gia-khách, cùng nhau mật-róc, định ngày 24 tháng 9 nhuận nam đình-hội 1767 khởi sự. Bọn Khiêm sợ việc không xong, bị vạ lây ngâm đến kể rõ tình-trạng cho nội-giám là Phạm-huy-Dĩnh cáo tố Trịnh-Sâm, Sâm liền sai các quan hợp lại đề tra tấn. Huy-Cơ tự biết không thoát tự thú tội; bị án chém, còn Trịnh-Lệ thì bỏ ngục.

Nguyên Khiêm trước kia có tội bị bãi, đến đây Trịnh-Sâm thưởng cho chức cũ, lại thăng hai trật; Huy-Bá thăng năm trật. Thêm-đo ngự-sử là Đoàn-Nguyễn-Thục dâng tờ nói rằng: « Bọn Huy-Cơ ngâm mưu trái phép, may việc phát giác ra, để cho tội-nhân tự-thú, thực là phúc cho nước nhà. Nhưng Trọng-Khiêm bị bãi đã lâu, nếu biết đóng cửa tự hối, không giao-thông với tân-khách, thì cái mưu bất-thiện kia từ đâu sinh ra được? Huy-Cơ là người có tội mà lại giao thông. Trịnh-Lệ đương lúc hiềm-nghĩ mà lại ra vào chu-toàn, tán-thành cái mưu của Huy-Cơ, gây cái ác cho Trịnh-Lệ, rồi sau lại phát-giác, lấy làm công của mình, đem luật mà xét đến trong lòng, gộp vào đồng ác. Vả như Huy-Bá vốn là bọn du-hiệp được dự nghe việc, mà phát-giác, được thưởng là phải, chứ như Trọng-Khiêm là người đã có tội, tham cái phú-quí trước mắt, lấy Trịnh-Lệ làm món hàng lạ, lấy Huy-Cơ làm đồ đánh bạc, làm cho cái ác dấy-dư thêm ra; may được một chức quan, dụng tâm như thế cũng quá hiềm, đem lòng với lỗi thừa từ với nhau

không nên thưởng thêm hai trật. » Trịnh-Sâm khen là phải, sai thu lại cái trật được thăng của Trọng-Khiêm, chỉ cho nguyên chức quản cũ, thưởng cho Nguyễn-Thục 30 lạng bạc (*Khâm-dịnh Việt-sử*, quyển 43, tờ 9a-10b).

Phế Hoàng-thái-tử Lê-duy-Vĩ rồi giết đi. — Thái-tử lúc nhỏ là người thông-minh mẫn-tuệ, rộng xem kinh-sử, ưu lễ sĩ-phu, thần dân chẳng ai là chẳng trông vọng đến phong thái. Trịnh-Doanh rất kính trọng, đem con gái lớn là Tiên-Dung quận-chúa gả cho. Nhưng thái-tử thường tức giận rằng nhà Lê mai quyền, kháng-khải có chí thu lại quyền-hành. Trịnh-Sâm lớn lên làm thế-tử đối với thái-tử có chỗ ghen-ghét về tài, về địa-vị. Có một ngày thái-tử và Trịnh-Sâm cùng ăn cơm ở Trinh-phủ, Doanh cho cùng ngồi. Vợ Doanh không cho ngồi cùng, bảo rằng: « Thế-tử đối với Thái-tử có địa-vị vua tôi khác nhau, không nên cùng ngồi, ngồi riêng ra hai chiếu ». Sâm đổi sắc mặt, đi ra nói với người ta rằng: « Ta với thái-tử tất có một người chết, một người sống, quyết không đứng ngang nhau được ». Kịp đến khi Trịnh-Sâm nối ngôi, ngâm cùng hoạn-quan là Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-huy-Dĩnh bàn mưu bỏ thái-tử mà không có cố, mới vu cho thái-tử là tư-thông với phủ-thiếp của Trịnh-Doanh, làm thành tội-trạng tâu vua, bắt đề bỏ ngục.

Trước khi ấy giồng Tam-sơn ở sau điện Long-thiên trong thành Thăng-long, tự nhiên có tiếng nổ lên như sấm, thái-tử sợ rằng chắc có tai-nạn, nói với vua Lê-Cảnh, (Xem tiếp trang 9)

Trang thanh-niên

THANH-NIÊN SAU LŨY TRE

MINN-TUYỀN

Nơi đến thanh-niên, tìm-tòi, kê-lễ học-sử thanh-niên, ngoài sự chú-ý đến những anh hùng hào-kiệt, những văn-gia thi-sĩ, những tay giáp hăng thiện-dũng, lại còn phải đề-mật tới thanh-niên sau lũy tre, tựa như khi nghiên-cứu địa dư, không những phải chăm nhìn vào núi cao, sông rộng, rừng thẳm, hồ to, mà lại còn phải ngắm cảnh đồng bằng với chuôm, ngòi, ao, lạch ít vị nên thơ.

Giá-trị một quốc-thổ đầu có ở lẫn núi sông hay đầm ruộng. Sức mạnh của thanh-niên là gồm hai sức của thanh-niên trí-thức và thanh-niên lao-dộng.

Trước và sau khi tiếp-xúc với người Âu, nước ta bao giờ cũng là một nước lấy đánh-hung làm bản-bẩm. Nước yên vui lấy cơ khổ là nguyên-nhân bởi kinh-tế, mà kinh-tế suy-khinh về nước ta đều hoàn-toàn lệ-thuộc vào sức sản-xuất ở hai bàn tay của thôn-dân. Vậy thanh-niên sau lũy tre là một phần-tử quan-trọng nhất của thanh-niên nước nhà, bởi đã sở và lực cần-lao của họ.

Song le, bên theo trạng-hệ ông xã-lội và trình-độ kiến-thức của quốc-dân về khoa-học, về cuộc đời thế-giới, những ý nghĩ đã chưa dừng ở mức đánh-lỗ ở thanh-niên sau lũy tre và mỗi thời một khác.

Xưa kia, đường giao-thông ít mở-mang, công-nghệ không biết đến mấy mớ, giao-thiệp kinh-tế với các nước láng-riêng chưa được phát-đạt, học-thuyết Khổng Mạnh thống-nhất địa-hạt văn-học, đạo-đức và chính-trị; cách sinh-hoạt ở thôn-quê với kẻ trộm không khác nhau là mấy. Thanh-niên sau lũy tre, có một thanh-thế rất rộng-nãi, ít lo-lạt và nhiều phen đã lấn áp cả thanh-niên thành-thị.

Từ đây đã nhận được ở thanh-niên thóp đã những đại-biểu có địa-vị ở thượng-tầng xã-hội, có những công-nghiệp vĩ-liệt, huy-hoàng, lòng đầy quá đến nỗi người sau, nhiều khi nhắc-nhở đến họ, chỉ nói đến thân-thể họ, dòng-dõi họ, mà quên phắt đi, không nói đến cái tôi đào-tạo nên sức thanh-niên của họ: tổ-dó là lũy tre xanh.

Thực-thế, giữa lúc hấp-học, đường hành, lưu hành khắp trong nước, từ ngõ hẻm xóm sâu đến kim môn vương-phủ, những bạch ốc dưới bóng tre diu hiu rủ-rỉ đã sản-xuất biết bao « công-khanh ».

Ở một xứ trọng nông như xứ ta, thời xưa không hiếm gì những thanh-niên suốt đời không rời khỏi thân tre mà sau nổi tiếng là « phú-gia địa-quốc ».

Giữa lúc nhà cửa, phục-vụ với khí-cụ dùng vào mọi ngành sinh-sống chỉ có lối cách mộc-mạc, đơn-giản, và chỉ cần đến một số ít thợ chuyên-môn mà phần đông

lại thường vẫn coi việc làm ruộng là nghề chính của mình, lũy tre xanh đã rèn-luyện được những công-nhân mà vua chúa phải trọng-dụng.

Giữa lúc cuộc doanh-thương chỉ luân-quần ở trong nước, chợ búa nơi tre xanh là « hải-cảng » của hạng người ngược xuôi bốn-lầu.

Vậy, nếu nói rằng trước khi Âu-hóa, thanh-niên sau lũy tre là hầu-hết thanh-niên toàn-quốc, thì cũng không lấy gì làm quá cho lắm. Nhờ nói đó tỏ ra rằng: thừa xưa

ĐA CỐ BẢN:

Khảo-cứu về Tiếng "Việt-Nam" của Trà-Ngân giá 2\$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam, để các bạn biết cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng, Tức Hoa-Mai số 32 của Phan-Như giá 0\$,20

THẨM-HIỂM GỖ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa-Mai số 33
của Nguyễn-Phủ-Độc giá 0\$,20
Nhà xuất bản Công-Lực
Nº 9, Rue Tékou — Hanoi

những luồng tư-tưởng cấu-tạo nên tâm-hồn và chí-khí thanh-niên không phiến-toái và hỗn-tạp như ngày nay, và vì vậy tinh-thần quốc gia của thanh-niên thời xưa rất vững-vàng hùng-hậu. Nó cũng không thể hàm một ý nào khả-dĩ làm giảm được giá-trị của lớp thanh-niên đó, tuy rằng mấy tiếng « sau lũy tre » khêu gợi trong ý-thức ta cái ý-niệm: sự ít đi du-lịch..., và những khái-niệm xoay quanh ý-niệm cốt cái đó. Vì, chính những anh-hùng dựng cờ khởi nghĩa, ra tay cứu-quốc, để lại cho con cháu muôn đời những gương lịch-sử sáng loáng, chói lọi về yū-công hiều-bách, đều là những vĩ-nhân có tài điều-khiển sức nông-dân một cách thần thánh; nhưng nông dân mà 99 phần 100 là thanh niên sau lũy tre, chính họ đã phải có, ở trong họ, ở ngay họ, những điều kiện đáng kính phục khiến cho các

vị thủ-lãnh của họ thành công; chính họ mới là phần-tử cốt-yếu của các công-cố của dân chúng đã làm vẻ-vang cho non sông.

Ngày nay, chèo lái chính-trị đã xoay chiều, nền móng văn-học đã khác xưa, kiến-trúc kinh-lễ mỗi ngày một biến-cải, thanh-niên sau lũy tre của thời xưa đã là 1-2, thanh-niên thành-thị đang banh-trướng.

Kể từ sau khi người Âu đã vượt qua Đại-tây-dương sang làm mưa làm gió bên Mỹ-châu, thế-lực Âu-châu chia làm hai: Âu và Mỹ. Hai sức mạnh đã gài g nhau, thì nhau trở hết tài-năng noi theo hai ngã cũ mới — ngã Đại-trung-bài và ngã Thái-bình-dương — thúc mạnh vào hai đại-lục-châu, nay hai thanh-niên đang muốn dựng đứng một lão già-nua ốm-yếu toà-xu.

Nước ta, vào thời-kỳ đó, từ là vào hội giữa thế kỷ thứ 19, dù đã cố muốn giao kin thành-trị, khóa chặt cửa bể, cũng không sao cản nổi hai ngọn sóng Âu Mỹ, như hai con giao-long, một con từ phía bắc bề Đông xô tới, một con từ vịnh Tiêm-la ập lại. Ngọn sóng nào đến trước là luồng sức mạnh kéo lướt con thuyền Đại-Việt đi theo chiều của nó.

Như có thiên-mệnh định-đoạt, tình-cờ lịch-sử đã khiến văn-hóa ta gặp văn-minh Âu-tây. Thế là thanh-niên nước ta cũng cùng với thời-thế mà thay hình đổi dạng.

Dưới bóng thái-dương muôn thủa, lũy tre xanh vấp tắc-lư, nghiêng-ngả trước gió, nhìn đám thanh-niên ngậm ngùi lặng-lẽ chia tay, kẻ ở lại bên chân, kẻ ra đi theo dũi bóng tán-trào. Tre xanh thản-nhiên như cảm thấy rằng: sự hiều biết lẽ « thí-h-giả sinh-tồn » trong vũ trụ là cần-thiết, sự « lấy

ấm làm nhà, lấy gỗ làm giường » là thời thượng trong thế gian.

Này ra đi, kẻ nho-sĩ dầm nát ngọn bút lông, mân-mê ngời bút sắt, gạt bản sách thánh-hiền vào xô nhà và bù đầu đi lục-soát kho tàng tri thức mới.

Này ra đi, kẻ nông gia có tiền nghìn bạc tiền đã chán cảnh ngộ hém, rãnh sâu, ao rãnh, vườn cam, đang say mê cảnh sinh hoạt mới lạ chốn phố-nhà.

Này ra đi, kẻ bán buôn xuôi ngược đã từng thấy sự nhanh chóng của xe hỏa, tàu hơi, đã lập mà vì môi lợi để kềm thu nơi đó hội.

Này ra đi, kẻ văn-bay, người văn-búa, kẻ đeo cương, người cầm gươm đang nghe theo tiếng gọi của thị-thành được mở rộng: nào lập hồ bạt đống, nào lập vườn mây, xây cầu cống, nào dựng cung khố, đặt đường sắt...

Lớp này đi, lớp kia đi... Cũng có kẻ nhớ tre xanh mãi mãi, rồi lại ra đi. Cũng có kẻ về, rồi ở lý không đi nữa. Cuộc xô-dịch liên tiếp đó đưa đến sự tang tận thế và sức quyến-dũ của thanh niên thành thị. Đám này sống với thời-thế nó và với đời thay của thời-thế ấy, như cây được cham bón trong bầu không-khí chính-trị ấm áp, trên miếng đất kinh-lễ tươi tốt. « Cây thanh-niên » đó cứ lần theo ngày tháng mà nhón mãi, to mãi, mà sinh ngành, trở lộc, nảy nụ, khai hoa. Trong « vườn thanh-niên toàn quốc », nó cố sức kéo về nó, thu về nó, hút vào rễ, chuyền vào thân, những chất bổ-duỡng dưới thớ đất, trong lớp sỏi, cho kỳ hết thành thữ « cây thanh-niên sau lũy tre » cứ cần cỗi dần đi, với vàng lá, sâu cánh, thưa hoa, ít quả.

(Còn nữa)
MINH-TUYỀN

Sách mới

TRIẾT-HỌC DESCARTES

của Nguyễn-dinh-Thi

Một học thuyết đã mở đường
cho tư tưởng triết học và
khoa-học cận đại.

Sách 300 trang, khổ rộng
bia mỹ-thuật.

Gia 4\$50



NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 15

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

X. — Nên có ngày kỷ-niệm vua Tiên-Lý

(bài nối)

Ông Henri Maspero chép truyện vua Tiên-Lý Nam-đế (Lý Bí hoặc Lý Bôn, 544-548) như thế này : « Bờ cõi nước Nam về đời Lý Bí hình như gồm tất cả địa - phận Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ đến tận Đức-châu, tức là Nghệ-an Hà-lĩnh bây giờ; phía nam giáp Chiêm-thành tức là nước Lâm-áp mà Lý Bí sai người đánh năm 543 (*Tư trị thông giám*, quyển 158, tờ 6 a; *Lương thư*, quyển 3, tờ 9 a. Phía bắc thì người Thổ-trắng ở miền bắc Bắc-kỳ, người Lão (có âm nữa là Liêu, nhưng chỗ này phải đọc là Lão, vì tự-diễn của nghĩa là man-di ở phía tây hoặc phía nam; *Việt - sử tổng-vịnh* quyển 1, tờ 9 b, cũng chưa là Lão, chứ không phải là Liêu) ở bờ sông Nhĩ-hà và sông Đàng-ang, người Ô-hứa ở vùng Lạng-sơn, đều phục theo Lý Bí (*Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 1 b; *Trần thư*, quyển 1, tờ 1 b). Thế là cả Giao-châu về thế-kỷ thứ ba, sau khi đã chia đất châu Giao, đặt ra châu Quảng, tức là gồm tất cả những địa-hạt mà năm thế-kỷ về sau thoát hẳn nước Tàu, lập thành cái trung-tâm-diềm cho nước Nam về thời cận-đại. Nhưng mà Lý Bí không đủ thi-giờ để xếp-đặt những đất ấy. Các tướng Tàu sang nước Nam để đánh Lý Bí lúc đầu, vì do dự không dám

tiến, nên Lý Bí được bốn năm yên-ôn. Đến giữa năm 545, chinh-phủ Tàu cho sửa-soạn một đạo quân tinh-nhuệ sang chinh-phạt, thuộc quyền Dương - Siêu (hoặc Phiêu) và Trần-bá-Tiên. Hình như Trần-bá-Tiên được cái huân-danh thẳng trận, tuy công việc khó-khăn mà các tướng thì ngã lòng. Bá-Tiên làm tiên-phong vào đất Bắc-kỳ, tiến quân một cách dũng-cảm, có lẽ đi ngược sông Thái-bình và đi dưới chân núi qua đất Đông-triều; trong khi đi không gặp một sự chống - cự gì ở miền dưới trung-châu.

Lý Bí đem hai vạn quân chờ Bá-Tiên ở Chu-diên, về phía Hải-dương (đoạn này cũng dịch theo ông Henri Maspero; còn *Kiểm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 2, tờ 10 b, thì chưa Chu-diên là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn-tây), có lẽ để giữ đường sông Thái-bình và làm cái rào chắn cho kinh-đô là thành Long-biên, gần Bắc-ninh. Bị người Tàu đánh thua, Lý Bí mới vội vàng bỏ Long-biên, lui về phía tây và tìm chỗ ẩn ở phía sau sông Nhĩ-hà, có ý kìm những quân địch ở đấy. Lý Bí đóng đồn ở cửa sông Tô-lich, gần thành Hà-nội bây giờ, ở một chỗ khá mạnh, vì phía đông có sông Nhĩ-hà, phía bắc có sông Tô-lich làm ngăn-rào hộ-vệ. Lý Bí cho lấy gỗ đóng cọc để thuyền địch không vào được. (*Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 1 b và 2 a; *Trần thư*, quyển

1, tờ 1 b). Bị Trần-bá-Tiên đánh thua lần thứ hai, phải lui về Gia-ninh, ở miền Bạch-hạc, đóng ở trong thành Gia-ninh, quân Tàu đến vây ở đấy cũng hơi lâu (từ tháng 7 tây năm 545 đến tháng hai tây năm 546) để cho Dương-Siêu và toàn-quân lập đến giúp Bá-Tiên. Thành Gia-ninh bị hạ ngày 25 tháng 2 tây năm 546; nhưng Lý Bí trốn thoát vào ở Tân-hung, gần phía tây-bắc thành Gia-ninh, chỗ rợ Lão (hoặc Liêu; *Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 2 a; *Lương thư*, quyển 3, tờ 10 a, dịch theo ông Maspero; nhưng chính trong *Tư trị thông giám* chép rằng: năm thứ nhất hiệu Trung-đại-đồng, mùa xuân, tháng giêng, ngày quý-sử, bọn Dương-Siêu hạ được thành Gia-ninh, Lý Bí chạy vào ở trong rợ Tân-xương, các quân đóng ở cửa sông). Ở đấy, Lý Bí thử lập lại binh-sĩ trong mùa xuân và mùa hạ năm 546; nhưng mà sau khi thử đánh lại, không ăn thua gì, Lý Bí thua hẳn, phải trở về ở với rợ Lão; thế rồi những rợ Lão muốn yên-ôn với Tàu, mới giết Lý Bí, nộp đầu cho Tàu (chỗ này hình như ông Henri Maspero nói cũng không đúng, vì *Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 7 b-10 a, chép vua Lý Bí vào ở trong rợ Tân-xương, đến tháng 9 năm 546 lại đem hai vạn quân ra đóng ở hồ Diên-triệt, làm thuyền-bé đầy ở mặt hồ, quân nhà Lương sợ, đóng ở cửa hồ không dám tiến, Bá-Tiên phải khuyên dụ, các tướng đều nín lặng. May đêm ấy (đấy là gióng sứ Tàu) nước hồ rút vào trong hồ, Lý Bí mới bị thua, sau

Xem tiếp trang 17

Trịnh-Sâm

(Tiếp theo trang 5)

Hưng. Vua thường vì thái-tử cầu-đào khắp nơi. Đến tháng ba năm kỷ-sử 1769 thái-tử biết rằng tai-nạn đến nơi, vào ở trong tầm-diện của vua. Huy-Đĩnh trước vào đông-cung, tìm khắp không thấy thái-tử, mới thẳng vào trong điện, kẻ tội-trạng thái-tử và tâu rằng : « Nghe thái-tử trốn ở trong tầm-diện Bệ-hạ, xin Bệ-hạ bắt giao cho thần ». Vua ôm thái-tử, lâu không nở biết. Huy-Đĩnh cứ quỳ dài ở dưới đế-dinh, thái-tử tự biết rằng không tránh nổi, khóc lạy trước vua rồi đi ra, cho chói, đưa đến Trại-phủ. Huy-Đĩnh bảo thái-tử chực mũ ra để chịu tội, thái-tử không chịu, nói rằng : « Phế, lập thí, nghịch là việc quen của nhà mày, chứ ta thì tội gì ? Đã có thanh-sử nghìn thu còn đấy ! » Trịnh Sâm giả mệnh vua bỏ thái-tử làm thú-nhân, bắt giam vào ngục. (Khâm-định Việt-sử, quyển 43, tờ 23 a-24 b).

Thái-tử đã bị tù, Trịnh Sâm muốn giết mà chưa có cơ-hội. Đến tháng chạp năm tân-mão 1771, Hoàng-ngũ - Phúc và Phạm-huy-

Đĩnh xui người vu-cáo bọn Trần-trọng-Lâm và Nguyễn - hữu - Kỳ cùng với bọn gia-khách của thái-tử là cống - sĩ Vũ-bá-Suồng, tự-thừa là Lương Giản mưu khởi binh để cướp thái-tử ra khỏi ngục. Huy-Đĩnh đem việc tâu vua Lê, sai bắt để trị tội. Giản trốn được, Suồng bị bắt, tra căn khai lạy đến Nguyễn-Lệ là chức Điện-tiền kiểm-hiệu coi cấm-quân của thái-tử. Nguyễn-Lệ nói rằng : « Thái-tử là ngôi trừ-quân của nước ngôi vua đề sẵn, không có tội mà tù nhục, nay bảo mưu cướp thái-tử ra (!) ấy là việc nghĩa Nhưng thực không biết. Nay bị khảo-đả mà bắt thú phục không phải là người dũng lấy không lìm có không phải là việc nghĩa. Vả lại việc này, nếu bảo Nguyễn-Lệ tự mưu, còn có lý hơn, vì thái-tử đã bị giam vợ con cũng không được ra vào, thì Lê này làm thế nào được thấy thái-tử mà gọi là cùng mưu. Chỉ có chết mà thôi, không biết nói gì nữa ! » Tra đánh thân thể đã vảy-xát mà lời khai không chịu đổi Huy-Đĩnh tự làm ngục - tù (lời cung khai trong ngục), tờ nghị tội đưa lên, Trịnh-Sâm sai Huy-đĩnh giết thái-tử bằng lối thắt-cổ, và giết cả bọn Nguyễn-Lệ và Bá-Suồng, liền sai thu tờ sách-mạng bà cố-hoàng-hậu họ Trần tức là sinh-mẫu của thái-tử, và các con thái-tử là Khiêm (tức là Chiêu-thống), Lự và Kỳ đều bắt giam ở ngục Đề-lĩnh (Khâm-định Việt-sử, quyển 43, tờ 36b-37 b).

Đem quân vào Nam. — Năm 1774 Trịnh Sâm sai tướng võ là Hoàng-ngũ - húc làm thống-lĩnh đem các đạo quân vào Nam, xâm-lấn Thuận-hoá. Đô-thành của chúa Nguyễn bị hãm, chúa Duệ-tôn

Nguyễn-Phúc-Thuần (1765-1775) phải chạy vào Quảng-nam (Khâm-định Việt-sử, quyển 44, tờ 10 a-b và 18 a-b).

Mở khoa thi. — Mùa đông năm kỷ-hợi 1779, Trịnh Sâm tự mở khoa thi hương thi hội, gọi là « hương hội thịnh khoa », lấy tháng 10 thi hương, tháng 11 thi hội. Theo lệ cũ, thi diện vua thân-hành ra đầu bài cho cống-sĩ ở sân rồng (lưng-trì), xong rồi cho gọi loa xướng tên và cho treo bảng vàng. Khoa này Trịnh Sâm sai những người đỗ hội cứ theo lệ cũ vào diện đề thi, mà không đưa bài thi đề vua duyệt. Ngày hôm sau lại bảo đến phủ chúa Trịnh đề thi ra đầu bài ở phủ, rồi định trên dưới, cho Lê-huy Trâm và Phạm-Nguyễn-Du đỗ nhị giáp, bọn Phạm-quí-Thích 13 người đỗ tam giáp. Tâu xin sắc cho treo bảng vàng ở cửa nhà Thái-học. Từ khoa ấy về sau theo làm lệ thường (Khâm-định Việt-sử, quyển 45, tờ 17 b).

(Còn nữa)

Ứng hơe NGUYEN VĂN TÔ

Phòng thuốc
CHỮA PHẪI

chuyên môn về bệnh Phôi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630

Giờ mở cửa :

Sáng từ 8 đến 12 giờ

Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ

Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt : Thứ ba, thứ sáu
xem mạch, cho đơn không
lấy tiền.

Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa
giao ngân. Và muốn hỏi bệnh
gì, định theo lem 0 \$ 06, sẽ
được trả lời ngay.

Ai chưa biết chữ nho ?
Ai muốn học thêm chữ nho ?

nên mua quyển

**CHỮ NHO —
— HỌC LẤY**

Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn

Giá 1\$00 — cước thường
0\$12 — đảm bảo 0\$32

không gửi lĩnh hóa
giao ngân — ĐỀ CHO :

hiệu ĐÔNG TÂY, 105,
hàng BÔNG — HÀ NỘI

Các tiệm sách mua buôn
có hoa hồng hậu

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU THI-THẢO

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

Nét mực phê trong truyện Kiều.

(Tất cả 42 bài, đều thơ soạn)

Lời phũ đầu

Truyện Kiều là một rừng xã-hội nhân vật, xã-hội tình trạng, xã-hội luân-lý, lại là một rừng thơ quốc-âm. Nay tác-giả chẳng tự-lượng thiên chuyết, soạn ra 42 bài, thuộc thể Nam đàn bát châu; từ đầu đến cuối, lần lượt đặt bút vịnh-ca. Đó là lối dùng thơ phê-phán cõ xã-hội, tức là nghĩa dùng thơ phê-phán trong một cuốn thơ. Tự trung những chỗ đặt đầu bài, hoặc dùng thể « Vịnh » thể « Đề » hoặc dùng thể « Thơ » thể « Phú-đắc » thể « Hoai-cổ » đều có thể-tài rõ-rệt, bút pháp kinh-doanh. Tóm lại thì đều là những « nét mực phê » trong một truyện tuyệt-thể giai-nhân, ngõ hầu thiện-cổ sau này xem thơ mà biết ý, nghĩa của văn-chương tiền bối, tinh-thần của xã-hội Đông-phương, thú vị của con nhà thi học được vạn -nhất vậy (tiền-bối trở cụ Nguyễn Du).

Hiệu Bảo-dại năm Nhâm-ngọ, tiếp lập-xuân.

SOẠN-GIA cần chỉ.

XXXVI

Phú-đắc « Trăm năm trong cõi người ta »

(Phê Kiều I)

Ai sắc tài ? ai linh ma quỷ quái ?

Cõi người ta, đúng trái biết rằng thương.

Phù sinh một giấc mơ màng ;

Ngựa câu ngày tháng, lẩn tuồng bề dâu.

Tồ bọm, túi tham, âu địa ngục ;

Nhà trung, cửa hiếu, ấy thiên đường.

Trời xanh, nếu chẳng ghen tòng ;

Khách má hồng, há lưu phương trăm đời.

CHÚ-THÍCH

Dùng trái = dùng chân mà trái qua, hát-nói cõ : « Trót dùng chân vào trần. »

Phù-sinh một giấc mơ-màng = cõ văn : « Phù-sinh nhược mộng, vì hoan kỳ hà ».

Ngựa câu ngày tháng = Cõ ngữ : « Nhân-sinh như bạch-câu quả khích », nghĩa là đời người như ngựa bạch-câu qua cửa sồ, nói cuộc trăm nam mau-chóng :

Lưu-phương = lưu truyền tiếng thơm. Tấn-sử « Lưu-phương bách-thể ».

Tập phê Kiều này, nên tham-khảo với truyện Kiều, vì điển-tích với từ-tạo phần nhiều dùng ở trong

truyện Kiều, chứ ở đây không cần phải chú-thích cho phiền-phức lắm ; trong bốn mươi hai bài đều theo lệ ấy.

XXXVII

Phú-đắc : « Vương-Quan là chữ, nổi giòng Nho-gia ».

(Phê Kiều 2)

Trước đèn hoa, cảo thơm lần giở ;

Chữ thấy đầu là chữ Vương-Quan.

Nhan ở ngõ, Đồng buồng mản ;

Noi gương thanh bạch, giữ nền hiếu trung.

Một trai chót, bút nghiên công kế-thuật ;

Hai chị đầu, khuê-các mực phong-lưu.

Làm lành trời chẳng phụ dẫu,

Chữ Vương-Quan thấy chói màu bảng xuân.

CHÚ-THÍCH

Nhan ở ngõ = Nhan-Hồi là người hiếu học bậc nhất trong cửa Khổng, nhà nghèo ở ngõ hẹp, Khổng phu-lữ khen là hiền.

Đồng buồng mản = Đồng-Trọng-Thư đời Hán đốc lòng sự nghiệp lớn, ba năm buồng mản đọc sách, trừ danh là bậc đại-nho,

Chói màu bảng xuân = tức đồ Tiến-sĩ ; ngày xưa thi hội, thi về mùa xuân, mà thuộc về lễ bộ chủ-trương. Đường-thi : « Mãn thành đảo lý thuộc xuân-quan ».

XXXVIII

Phú-đắc « Kiều càng sắc sảo mặn mà ; so bé tài sắc lại là phần hơn »

(Phê Kiều 3)

Phẩm giai-nhân, Thủy-Vân, là tuyệt đại ;

Ai ngờ dẫu Kiều lại hơn Vân.

Dư cốt-cách, bội linh thần.

Mai hương đã thẳng, tuyết phấn cũng già.

Giá cầm-lú càng treo mà càng nhất ?

Nét thủy sơn càng ngắm thật càng xinh ?

So bề tài sắc đã đành,

So hiếu, so linh, lại thấy ai hơn ?

CHÚ-THÍCH

Tuyệt-dại = cũng như tuyệt thể, đại nghĩa là đời. Đường thi : « Tuyệt-dại hữu giai nhân, u cư tại không cốc. »

Phán cũng già = ý cân-nhắc nặng nhẹ đề so hơn kém. Cõ thi : « Mai tu tổn tuyết tam phấn bạch, tuyết diệp thâu mai nhất độ hương ».

TÙNG-VÂN

BIA VĂN-MIÊU

NHUNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 68

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TÔ

Khoa canh-tuất 1490, hiệu Hồng-đức thứ 21, lấy 32 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân:

1. — **Lê đình Quát**, người xã Kim-hoạch, huyện Lương-giang (Thụy-nguyên), phủ Thiệu-hoá, trấn Thanh-hoa. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 22 tuổi. Làm quan đến đồng-ngự-sứ (Đặng khoa bị khảo, quyền Thanh-hoá, tờ 2 b).

2. — **Vũ-khắc-Nuy** (hoặc), người xã Vũ-lạ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Ứng chế hợp cách. Làm quan đến Hàn-lâm-viện-thị-độc (Đặng khoa bị khảo, quyền Hải-dương, tờ 59 b). (Đặng khoa lục (quyển 1, tờ 38 b) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo.

3. **Đình-doãn-Minh**, người xã Hương-giản, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (Đặng khoa bị khảo, quyền Hải-dương, tờ 13 b). (Đặng khoa lục (quyển 1, tờ 38 b) chép làm quan đến Quốc-tử-giám tư-nghiệp.

4. **Nguyễn-hoảng-Khoản**, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh (Võ-giang), trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 20 tuổi. Là con Nguyễn-nhân-Dịch, đỗ tam giáp năm 1475, là anh Nguyễn-Huân, đỗ bảng-nhơn năm 1496 (Đặng khoa lục, quyền 4, tờ 39 a; Đặng khoa bị khảo, quyền Kinh-bắc, tờ 4 b).

5. — **Nguyễn-Sao**, người xã Phù-chiến, huyện Đông-ngân, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 26 tuổi: hội-thi

bốn kỳ đều đệ nhất, ứng chế hợp cách. Mùa đông nămất-mão (1495) đang làm chức giám-sát ngự-sứ, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tâu về việc dịch-lộ (đường chạy trạm). Đến khi về, có cái gối Tàu, không tiến vua mà tự dùng, có người nhả tâu, bị truất. Đến nam đinh-mão (1507) hiệu Đoan-khánh, khai phục làm Hải-dương thừa-tuyên-sứ, mất trong khi tại chức (Đặng khoa bị khảo, quyền Kinh-bắc, tờ 29 a).

6. — **Nguyễn-hà-Thục**, người xã Xà-kiều, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ năm 27 tuổi, (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-nam, tờ 57 a).

7. — **Đỗ-công-Cẩn** người xã Tiên-phong, huyện Tiên-phong, phủ Quảng-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ năm 23 tuổi. Làm quan đến Đốc-các đại-học-sĩ (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-tây, tờ 68 b).

8. — **Trần-Di**, người xã Cao-lâm, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ năm 26 tuổi. Làm quan đến Công-bộ hữu-thị-lang (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-nam, tờ 57 a).

9. — **Thân-nhân-Tín**, người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 52 tuổi. Làm quan đến Hàn lâm. Là con Thân-nhân-Trung, đỗ tam-giáp khoa 1469, anh ruột Thân-nhân-Vũ, đỗ tam-giáp khoa 1481, sinh ra Thân-cảnh-Vân, đỗ thám-hoa năm 1487: còn đỗ trước cha, ba đời cùng đỗ đại khoa, lại cùng làm quan một

triều (Đặng khoa bị khảo, quyền Kinh-bắc, tờ 73 a; Đặng khoa lục, quyền 1, tờ 39 a). Có tám bài thơ cận thể còn chép trong Toàn-Việt thi lục (quyển 14, tờ 31 a-32 b), dịch nghĩa đầu bài như thế này: 1. Tương sĩ nhớ nhà; 2, Đông Thúc-vân; 3, Người anh-tài; 4, Bài yết Sơn lang, 5, Nhỏ non buổi sớm sông Thiên-vực; 6, Nhớ công nghệp đức Thánh-lô (Lê Lợi); 7, Lên điện Quang-đức cảm hứng làm thơ; 8, Ngự nhà Kiến-thụy. Tám bài đề họa văn thơ vua Lê Thánh tông.

10. — **Bùi-Phil**, người xã An-lão, huyện An-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Làm quan đến Quốc-tử-giám tế-tửu (Đặng khoa bị khảo, quyền Hải-dương, tờ 89 a). (Đặng khoa lục (quyển 1, tờ 39 a) chép là người làng An-dào, huyện Yên-lạc.

11. — **Nguyễn-minh-Điền** người xã Tây-thiểm, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ năm 33 tuổi. Làm quan đến chức tự-khánh (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-tây, tờ 4 a).

12. — **Lưu-Dịch**, người xã Lý-xuyên, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ năm 28 tuổi. Mới bổ Hàn-lâm-viện kiểm-thảo, được dự Tao-đàn nhị thập bát tú. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ (Đặng khoa bị khảo, quyền Hải-dương, tờ 91 a). (Đặng khoa lục (quyển 1, tờ 39 b) chép là người làng Nại-xuyên, làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo.

13. — **Phạm-đạo-Phú**, người xã Nguyễn-xá, huyện Đại-an, phủ Nghĩa-hưng, trấn Sơn-nam. Năm 28 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ Nam hội mao (1495) đương chức Hàn-lâm (Xem tiếp trang 17)

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Điều nó ra chính-pháp. Găm trời không thiếu gì người tài hơn nó. Trăm sẽ gọi hết cả thợ trong nước về xây đài, kẻ nào trái ý, chém bêu đầu làm lệph.

LÊ-AN

Tàu Hoàng-thượng, nhưng nghìn năm chưa đã có một người như Vũ như Tô. Tội thì có to, tội thì 'n dụng.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Ngươi muốn dung hân sao? Đầu người cũng không vưng hơn đầu nó (nghe rang mặt lộ vẻ tàn ác ghê gớm). Hãy đi bắt chín họ nó về, bắt lý giả trẻ, đem ra chợ chém ngang lưng, bêu đầu ngoài bãi. Còn Vũ-như-Tô thì giam nó vào ngục tối, ngày đêm khảo đả, cho nó chịu muôn đường thống khổ, rồi đem làm tội lang-tri.

LÊ-AN

Thần sin lĩnh chỉ.

BỌN CUNG-NỮ

Nhưng còn cứu-trùng-dải?

LÊ-TƯƠNG-DỰC mơ mộng

Cứu-trùng-dải! (dịu giọng bảo Lê-An) Người ra dẫn Vũ-như-Tô vào đây.

LÊ-AN

Phụng-mệnh.

Lê-An ra. Một tên nội-giám vào

Cảnh IV

VUA và CUNG-NỮ — nội - giám

NỘI-GIÁM quý tâu

Rước Hoàng-thượng ra coi triều. Có sứ-thần Trung-quốc.

LÊ-TƯƠNG-DỰC dậm chân

Phiền nhiều vô-cùng. Muốn yên không được (quay bảo cung nữ) Cho các khanh lui gót. (Gọi to) Đan Thiềm.

Cung-nữ và nội-giám ra

Cảnh V

VUA — ĐAN-THIỆM
ĐAN-THIỆM

Hoàng-thượng cho đòi thân-thiếp?

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Chốc nữa Vũ-như-Tô vào đây, mi dẫn một đội nữ-binh canh gác điện này, đợi trăm về phát lạc.

ĐAN-THIỆM

Thần-thiếp xin lĩnh chỉ... (Tương-Dực ra) Muốn xây cứu-trùng-dải mà coi thợ giỏi như rơm giã; hoa thơm nào còn đâm chồi nảy lộc trên xứ-sở này? Kề cũng thương hại cho Như-Tô, có tài nên mắc vạ. Mà Vũ đây kia chàng.

Cảnh VI

ĐAN-THIỆM—VŨ-NHƯ-TÔ — LÍNH

Bọn lính áp giải Vũ-như-Tô vào. Chàng đeo gông, chân tay mang nặng xiềng-xích.

Một NGƯỜI LÍNH

Thưa bà, đây là Vũ-như-Tô.

ĐAN-THIỆM

Được. Cho lui.

Bọn lính ra.

Cảnh VII

ĐAN-THIỆM — VŨ-NHƯ-TÔ

ĐAN-THIỆM

Trời xui khiến tôi gặp ông ở chốn này. Thực là duyên kỳ-ngộ...

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi là một kẻ quê mùa, không biết những nhời mỉa mai bóng gió.

ĐAN-THIỆM

Đây là thực tình. Ông đừng nghi kỵ. Chính tôi đang muốn gặp ông để hỏi chuyện.

VŨ-NHƯ-TÔ

Hỏi chuyện tôi! Để làm gì? Các người không thể nào hiểu được chuyện tôi, các người nông-nõn...

ĐAN-THIỆM

Ông mới gặp tôi lấy cớ gì mà bảo tôi nông-nõn.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

VŨ-NHƯ-TÔ

Người đặt lạc thì đều nông nõi.

ĐAN-THIỆM

Sao ông bảo tôi là người đặt-lạc?

VŨ-NHƯ-TÔ

Cung nữ đều là tuồng đặt-lạc.

Huống chi trông những quầng mắt thâm kia, tôi đoán chắc là người trong túy-hương mộng-cảnh.

ĐAN-THIỆM

Ông nhầm lắm. Thế mà thiên hạ đồn ông có mặt tình đời. Hay là cảnh tị đào, xiềng xích nặng, đã khiến ông không phân biệt được thực hư? Đòi mắt thâm quầng này là do những lúc thức khi ngời ngủ, khóc khi người cười, thương khi người ghét.

VŨ-NHƯ-TÔ

Ừ. Bà nói như một người đồng bệnh.

ĐAN-THIỆM

Chính là một người đồng bệnh, nên chưa biết ông, tôi đã ái ngại thay cho, Tài làm lụy ông, cũng như nhân sắc-phụ người.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi thực đặc tội với bà. Xin cho nghe chuyện.

ĐAN-THIỆM

Ông có mối không? Rõ khổ? Tài bao nhiêu lụy bấy nhiêu! Gông nặng xiềng đau, trông ông tiêu-tụy, càng khiến tôi thương số phận tôi.

Tôi bị tuyền vào cung từ năm 17 tuổi, giữa buổi phượng niên,

khi ấy tôi đã có người dạm hỏi. Tôi bị giam trong cung, ngày ngày bạn với cảnh già. Rồi từ đấy đến nay, ngót hai mươi năm, tôi chỉ đóng vai thị-nữ hầu hạ từ vua cho đến các phi-tần, nhiều kẻ kém cả tài lẫn sắc. Sắc ngày phai nhạt, biết cho họa chẳng mấy gốc hoa ngoài vườn thượng uyển. Đời ấy với đời ông nó khác nhau mấy nõi.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi không ngờ lại được biết một đời cung-oán nhần tiên. Tiếc thay tôi không có bút-lực Vương-sương-Linh.

ĐAN-THIỆM

Cái đó không cần. Không có bút-lực Vương-sương-Linh cũng được. Thân tôi không đáng kể đã đành nhưng còn ông?

VŨ-NHƯ-TÔ

Cũng là thân không đáng kể?

ĐAN-THIỆM

Sao lại không đáng kể. Hữu tài tất hữu dụng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Cảnh ngộ chúng tôi có khác chi cảnh ngộ bà? Có phần khổ nhục hơn nữa. Nhiều tài nhiều lụy. Ở nước ta: nhà không cho làm cao, áo không cho mặc đẹp, ngôi gạch cấm, lụa là cấm. Ai xây một kiêu nhà mới, khả quan, thì lập tức kết vào tội lộng hành, đem chém

Thành thử không ai dám vượt ra khuôn sáo nghìn xưa, nghề kiến-trúc đọng lại như một vũng ao tù... Người có tài không được thi-thố đành phải tiến về mặt tiêu xảo. Mà nói ngay đến những bọn này, nào họ có được yên thân? Họ phải lần lút, giấu-giếm. Vô-phúc mà triều-dinh biết, thế là gia-dình tan nát. Họ bị đóng cũi giải kinh, xa bố mẹ, vợ con, anh em, thân giam trong nội như một tên trọng phạm, để làm những công việc nhà vua. Mãi đến khi mất mờ, tay chạm, họ mới được thả hồi nguyên quán. Triều-dinh còn không ban cho họ một chút hồng nhõ để mưu sống buổi tàn niên. Cách đối đãi như thế, thì nhân tài nhiều sao được, mà ai chịu 'luyện tập cho thành tài? Thậm chí người ta nói kẻ có tài đã không giúp cho gia-dình, cớ là mọi cái vạ nữa.

ĐAN-THIỆM

Thảm nào mà nước ta không có lấy một lâu đài nào ra hồn khả dĩ sánh với những lâu đài Trung-quốc. Ngay cả Chiêm thành cũng hơn ta nhiều lắm...

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi bẩm sinh có khiếu về kiến-trúc. Tôi đã học văn, sau bỏ văn tập nghề. Nhưng tập thì tập, vẫn lo nơm-nớp, chỉ sợ Triều-dinh biết, thì vợ con ở nhà nheo-nhóc, mà mình cũng không biết bao giờ được tháo cũi sớ lồng. Vua Hồng thuận ngày nay càng khinh rẻ chúng tôi, cách đối đãi lại bạc ác, Chẳng qua là cái nợ tài hoa, chứ thực ra theo nghề ở ta lợi chẳng có mà nhục thì nhiều.

ĐAN-THIỆM

Chính vì thế các ông càng đáng trọng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Trọng để làm gì? Nếu tìm danh vọng chúng tôi đã chẳng chọn nghề này. Đời chúng tôi là đời những kẻ lần lút.

ĐAN-THIỆM

Vậy thì các ông luyện nghề làm gì, luyện mà không đem ra thi thố?

VŨ-NHƯ-TÔ

Đó là một nỗi khổ tâm cho chúng tôi. Biết đa mang là khổ nhục mà không sao bỏ được. Như bóng theo hình. Chúng tôi vẫn chờ dịp.

ĐAN-THIỆM

Dịp đây chứ đâu? Cửa trùng đài...

VŨ-NHƯ-TÔ

Bà đừng nói nữa cho tôi thêm đau lòng. Ngày ngày tôi thấy các bạn thân bị bắt giải kinh, gia-dình tố tụng tiền như đám ma người chết.

Mong manh tin quan đến bất, tôi đem mẹ già, vợ và hai đứa con nhỏ đi trốn. Được một năm có kẻ phát-giác, quan địa phương đem lính tráng đến vây kín nơi tôi trọ. Tôi biết là tuyệt lộ, mặc cho họ gồng cùm. (chàng rơm rớm nước mắt) Mẹ tôi chạy ra bị lính dây ngã, chết ngay bên chân tôi! Bọn thừa hành lộng quyền quá thế. Tôi khóc-lóc từ biệt xác mẹ già vợ đại con thơ. Rồi tôi bị giải lên tỉnh, từ tỉnh vào kinh ăn uống kham khổ, roi vọt như mưa trên mình, lắm khi tôi chết liệng đi. Vợ tôi âm-dựa con nhỏ, dắt đứa con nhỏ leo đèo theo sau, khóc lóc nhếch nhác, tôi càng đau xót can tràng. Cũng vì thế mà tôi thể là đánh chết chứ không chịu đem thi thố tài năng.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

CHỨC THỐNG-CHẾ TRONG NGẠCH VÕ QUAN và lược khảo về binh chế triều Nguyễn

TIỀN ĐÀM



H IỀ U hôm 16
Novembre 1943,
quan Thủy sư Đô-
đốc Toàn-quyền
Đông - dương đã
thân đến biệt thự cụ Nguyễn-dinh-
Trọng, Thống-chế (1) tể sĩ, để
gắn huy chương Bả' đầu bội-tinh.

Về tiểu sử cụ Thống chế Nguyễn
chúng tôi đã có lần nhắc đến (2)
và các báo hằng ngày ở đây đã
đang cả.

Duy có một vài bạn đọc biên
thư hỏi về hai chữ « thống-chế »
trong võ ban của ta, vậy sâu đây
chúng tôi nhân, câu hỏi mà lược
qua binh chế triều Nguyễn cùng
quan chế và lương bổng của các
quan võ khi trước đã định.

Nhà Nguyễn từ sau khi được Cao-
hoàng nhất thống Nam Bắc, nhân
ngài trải qua một phen dựng võ,
nên công việc của ngài là định
binh chế cho cả phương-pháp đề
phòng lúc nhà nước dùng đến.

Phép tuyển lính. — Theo
thường lệ các triều trước, thì tam
đinh thủ nhất (nghĩa là 3 người
đinh lấy một người lính). Dưới
triều Nguyễn, trong các tỉnh Trung
Bắc thì thất đinh giản nhất binh
(nghĩa là 7 người đinh chọn một
người lính); ở Nam-kỳ: tam đinh
giản nhất binh (3 người đinh chọn
một người lính); ở phía Nam sử
Nam-kỳ dân ít hơn thì ngũ đinh
giản nhất binh (5 người đinh chọn
một người lính). Xem thế thì biết

số lính ở Nam kỳ tuyển nhiều hơn
cả.

Ngày trước, lính đều không
được ăn lương. Mỗi người chỉ
được lĩnh độ một vài quan tiền, ít
gạo gọi là *nguyệt lương*, hay
mỗi người được ít ruộng làng gọi
là *lương điền* (từ 1er Juillet
1897 lệ nhà nước Bảo hộ phần
lương-điền mỗi người lính — lính
tập, lính sứ thủy tử, pháo thủ,
lính lệ, lính trạm — không được
quá 3 mẫu và 250 quan tiền một
nam).

Binh chế. — Lính của ta hồi
trước có:

Thần binh: lính hầu vua, chia
ra: a) Tì vệ, b) Cầm y thị vệ,
c) Loan giá vệ, d) Vũ lâm;

Cầm binh: lính trong thành
nội;

Tĩnh binh: lính ngoài, cũng
gọi là *giản binh*, « giản » là
« chọn ».

Những lính ấy họp thành:
ngũ: mỗi ngũ 5 người
thập: mỗi thập 10 người
đội: mỗi đội 50 người
cơ hay vệ: mỗi cơ hay vệ
500 người.

Chữ Vệ thì dùng cho các lính
tại kinh (từ Nam-kỳ đến Bình-
thuận, Hà-tĩnh), chữ Cơ thì dùng
cho lính các tỉnh.

Chỉ huy các ngũ, thập, đội, cơ,
vệ thì có ngũ trưởng, thập trưởng,

đội trưởng, chương cơ, chương
vệ.

Lúc đầu triều Nguyễn, lính *Thần
binh* (lính hầu nhà vua) phần nhiều
là người Nam-kỳ, vì nhà Nguyễn
làm chúa ở Nam-hà và đức Gia-
long khi còn-bá thường trú tại ở
phương Nam, nên tin dùng người
Nam hơn.

Nếu tính tất cả lính trong nước
thì có: 130 vừa cơ vừa vệ cộng cả
Thủy sư thì số lính có đến 250.000
người.

Nhưng đây là chỉ kể số tại ngũ
mà thôi. Nhà Nguyễn cũng vẫn
theo phép các triều trước là *ngự
binh ư nông* (cho lính về làm
ruộng) lúc bình thì luân phiên trụ
ngũ, khi hữu sự mới gọi cả.

Quan chế. — Về võ ban cũng
chia làm chín phẩm, từ nhất phẩm
đến cửu phẩm, mỗi phẩm có hai
bực *tòng* và *chánh*.

Dưới đây là bảng quan chế võ
quan triều Nguyễn:

NHÀ GIỒNG RĂNG Đổ Ngọc-Giao

173 hàng Bông Lữ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng
đắn, và làm cần thận hơn
hết — Công việc, làm nhanh
chóng và có bảo đảm.

Vũ quan cửu phẩm**Chánh nhất phẩm (1-1)**

Trung quân đô thống

Tiền quân đô thống

Tả quân đô thống

Hữu quân đô thống

Hậu quân đô thống

Tòng nhất phẩm (1-2)

Thần cơ dinh đô thống

Tiền phong dinh đô thống

Long vũ dinh đô thống

Hồ uy dinh đô thống

Hùng duệ dinh đô thống

Thủy sư đề đốc

Chánh nhị phẩm (2-1)

Thần cơ dinh Thống chế

Tiền phong dinh Thống chế

Long vũ dinh Thống chế

Hồ uy dinh Thống chế

Hùng duệ dinh Thống chế

Vũ lâm tả hữu dực Thống chế

Thủy sư đề đốc

Tòng nhị phẩm (2-2)

Chưởng vệ

Đô úy (khinh kỵ đô úy)

Đô chỉ huy sứ

Đề đốc

Chánh tam phẩm (3-1)

Thị vệ (nhất đẳng thị vệ)

Vệ úy (loan giá, long thuyền)

Nghịêu kỵ vệ úy

Hộ lang vệ úy

Vũ lâm vệ úy

Vệ úy, lãnh binh

Tòng tam phẩm (3-2)

Vệ úy (tĩnh)

Thủy sư vệ úy

Phó vệ úy (kinh)

Phó lãnh binh

Chánh tứ phẩm (4-1)

Thị vệ (nhị đẳng thị vệ)

Phó vệ úy (tĩnh)

Giám đốc

Quản cơ — Chánh quản

Rách lành đùm bọc

Mùa đông tháng giá tới nơi! Trong khi mà những nhà giàu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khổ không quần không áo che thân, phải dãi dầu trước những cơn mưa phùn gió bắc!

Giúp cho kẻ khó manh quần tẩm áo trong lúc sợt khăn vải dắt này, tức là cứu một mạng người sống qua thì đời khỏi thì loạn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-tế mùa đông có đủ 10 vạn đồng để tiến-hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng-Hữu-Huy Ủy-viên thường-trực ban Cứu-Tế mùa đông, số 125 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi.

Tòng tứ phẩm (4-2)

Thủ úy

Phó giám đốc

Kỵ đô úy

Phó quản cơ

Chánh ngũ phẩm (5-1)

Tam đẳng thị vệ

Cai đội

Hiệu úy

Thủ úy, tân thủ úy

Tòng ngũ phẩm (5-2)

Tứ đẳng thị vệ

Cai đội

Pháo thủ cai đội, Thủy sư cai đội

Suất đội (chánh đội trưởng suất đội (kinh)

Phó kỵ úy, Tân thủ

Chánh lục phẩm (6-1)

Ngũ đẳng thị vệ, cai đội

Suất đội « Chánh đội trưởng suất đội (tĩnh) »

Suất đội (Pháo thủ chánh đội trưởng suất đội)

Suất đội (Tuần Thành chánh đội trưởng suất đội)

Tòng lục phẩm (6-2)

An kỵ úy, suất đội

Chánh đội trưởng

Chánh thất (7-1)

Chánh đội trưởng, đội trưởng (kinh)

Pháo thủ chánh đội trưởng (tĩnh)

Chánh tư tượng, Thiên hộ

Tòng thất phẩm (7-2)

Phụng ân úy,

Đội trưởng

Dịch thừa (Dịch trạm dịch thừa)

Chánh bát (8-1)

Đội trưởng, thứ đội trưởng (kinh)

Lạc trưởng, Ca Trưởng mục

Dịch mục, Bá hộ

Tòng bát (8-2)

Thừa ân úy

Đội trưởng

Bá hộ

Chánh cửu (9-1)

Tượng mục, Lệ mục

Bá hộ

Tòng cửu (9-2)

Lệ mục (đội huyện)

Bá hộ, Hộ trưởng, kim hộ

Trưởng, Thơ lại, ngũ trưởng (bếp)

Lương bổng. — Cũng như các van quan, các võ quan cũng có lương bổng, tất cả có bốn khoản: Tiền, gạo, tiền xuân phục và tiền tuất. Chúng tôi xin trưng ra sau đây bảng liệt kê cho dễ khảo:

PHẠM	TIỀN	MỄ	TIỀN XUÂN PHỤC	TIỀN TUẤT
Chánh nhất	400 quan	300 phương	70 quan	400 quan
Tòng —	300 —	250 —	60 —	300 —
Chánh nhị	250 —	200 —	50 —	200 —
Tòng —	180 —	150 —	30 —	100 —
Chánh tam	150 —	120 —	20 —	70 —
Tòng —	120 —	90 —	16 —	40 —
Chánh tứ	80 —	60 —	14 —	30 —
Tòng —	60 —	50 —	10 —	28 —
Chánh ngũ	40 —	35 —	9 —	25 —
Tòng —	35 —	30 —	8 —	23 —
Chánh lục	30 —	25 —	7 —	20 —
Tòng —	25 —	22 —	6 —	18 —
Chánh thất	22 —	20 —	5 —	15 —
Tòng —	22 —	20 —	5 —	13 —
Chánh bát	20 —	18 —	4 —	10 —
Tòng —	20 —	18 —	4 —	8 —
Chánh cửu	18 —	16 —	4 —	5 —
Tòng —	18 —	16 —	4 —	5 —
Vị nhập lưu	12 —	12 —	3 —	3 —

Xem như bảng trên này thì lương của các quan võ đời trước không được là bao, gia chi dĩ các vua nhà Nguyễn rất nghiêm, việc bồi lộ sẽ bị trọng tội, nên dù văn hay võ, ta thấy có nhiều tấm gương thanh liêm rất đáng trọng: Cụ Phan-tanh Giản mất trong một gian nhà tranh; Cụ Nguyễn-tri-Phương làm đến Tổng-thống quân vụ mà cũng chỉ có một nếp nhà tranh ở Thừa-thiên. Còn nhiều gương như thế kể sao cho xiết.

Phẩm phục. — Những khi triều hạ, các võ quan cũng như văn quan, đều có phẩm phục ngoài các y phục đi trận (như áo chiến, áo giáp). Phẩm phục ấy màu sắc và hình khác nhau. Phẩm phục của võ ban khác văn quan ở những đường thêu, theo lệ thì văn cầm (áo quan văn thêu loài chim) võ thủ (áo quan võ thêu loài thú).

nhất phẩm : Bờ-lử (miếng vuông ở trước ngực và sau lưng) thêu kỳ-lân

nhị phẩm : thêu Bạch trạch (?)

tam phẩm : — sư-tử

tứ phẩm : — hổ

ngũ phẩm : — báo

lục phẩm : — hùng (gấu)

thất phẩm : — hưu (?)

bát phẩm : — hải mã

cửu phẩm : — Tê ngưu

Áo giáp và áo chiến cũng thêu như trên, tùy theo phẩm trật. (3)

TIÊN-ĐÀM

(1) Chữ *Maréchal* của Pháp-văn dịch ra tiếng ta là *Thống-chế* chưa hết nghĩa; trong quân-gia Pháp chức *Maréchal* có nghĩa là Tổng-phống quân-vụ là một chức cao tột bậc, gần đây một bạn đồng nghiệp trong Nam đã dịch là *Thượng-lương* nghĩa cũng tạm được.

(2) Xin coi lại: Các khoa thi võ năm Mậu-Dần đã đăng ở *Tri-Tân* số 2

ngày 10-6-41 và Khoa võ hội thi năm Canh Thìn đã đăng ở *Tri-Tân* số 6 ngày 8-7-41 của *Tiên-Đàm*.

(3) Trích tài-liệu ở quyển « *Bình-chế Việt nam* » đang soạn.

Đã có bản :

CÔ THÚY

Giải thưởng văn-chương
Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935
của Ng.-khắc-Mẫn Giá 3\$20

HỒN QUÊ

của Ng.-khắc-Mẫn Giá 4\$50
Sách in lần thứ nhất dày hơn
400 trang — Bìa bằng giấy
Vóc Phụng-Hoàng do họa-sĩ
Bình trình bày.

Bà Chúa rừng mai trắng
Truyện Giải Trí của Việt-Tinh
Giá 1\$30

Nhà xuất-bản SÁNG
46 Quai Clémenceau, Hanoi

Bia văn miếu...*(Tiếp theo trang 11)*

kiếm-thảo, được dự Tao-dân nhĩ thập bát tú. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị lang (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-nam, tờ 98 a).

14. — **Phạm-Trình**, người xã Mai-xá, huyện Phụ-phượng, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sử (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-nam, tờ 4 a, chép là huyện Phụ-dực).

15. — **Nguyễn-Tráng**, người xã Thượng Thanh-oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Mùa xuân năm quí-dậu (1513) hiệu Hồng-thuận, đương làm Lễ-bộ hữu-thị-lang, sung chức chánh-sứ sang nhà minh tạ về việc sách phong. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang (Đặng khoa bị khảo, quyền Sơn-nam, tờ 35 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đại-nam dật-sự*(Tiếp theo trang 8)*

trốn ở trong mọi rợ. Sách An-nam chí-nguyên, quyển 2, trang 112, cũng là sách Tàu, chép vua Lý Bí chết, chứ không phải bị chém). Từ năm 547, tất cả xứ miền dưới Bắc - kỳ và phía bắc Trung-kỳ, Tàu lại chiếm lại, và người anh Lý Bí là Lý Tiên-Bảo, tuy có đánh được ở đứ - châu, nhưng không được bao lâu lại thua ở Ai-châu và phải trốn (dịch trong *Etudes d'histoire d'Annam* của ông Henri Maspero bài *La dynastie des Li antérieurs* trang 20-22).

Ông Henri Maspero lại nói sử Tàu không công-nhận có « nhà Tiên-Lý » : cái đó đã cố-nhiên vì đến ngay đời Đinh (968 - 980), đời Lê (980-1009) nước ta đã bắt đầu độc-lập, mà sử Tàu cũng không chịu chép làm một đời

Mừng cháu lấy vợ**MIẾU :**

Nhà lan mở tiệc đoàn-viên.
Chữ tính càng mẫn, chữ duyên càng nồng;
May thay giải cẩu tương-phùng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

NÓI :

Sinh nam nguyên hữu thất,
Mừng anh nay cầm sắt đoàn-viên;
Khách phong-lưu dạn-diu chữ duyên,
Ước giai-lão bách niên từ đây nhĩ?
Bốn chục thung huyên thêm vẻ mị,
Một nhà mai trúc đượm màu xuân.
Cho hay tài-tử giai-nhân,
Tình cầm sắt, nghĩa Châu, Trần là thế thế,
Chuốc chén rượu mừng vui xiết kê,
Chúc rồi ra tay bẻ tay bông!
Trăm năm vẹn chữ « xương, tòng »...

Nhật-Nham TRỊNH-NHU-TÁU

vua, nhà Tống lại phong cho vua Đinh tiên-hoàng (969-979) làm « Giao-chỉ quận-vương », coi nước ta bấy giờ cũng như một quận của Tàu !

Nhưng dù sao, ta cũng có thể gọi chung vua Lý Bí, Lý Đào-Lang và Lý Phật-tử là « nhà Tiên-Lý » (544-602). Vua Tự-đức phê vào bộ *Khâm-định Việt-sử* (quyển 4, tờ 7 a-b) mấy câu rằng : « Vua Lý-Nam đế, tuy sức không địch nổi, đến nỗi việc không thành, nhưng đã biết nhân cơ-hội mà phấn khởi, tự xưng đế nước mình, đủ làm « tiên-thanh » (tiếng trước) cho nhà Đinh nhà Lý, há chẳng vẻ vang lắm thay ? » Tập Ngự - chế

Việt-sử tổng-vịnh (quyển 1, tờ 10 a) vịnh riêng vua Lý Nam đế làm một bài như sau này :

*Nam chinh bắc cực đức kinh-luân
Thảo-mộc qui-mô tạm tế truân
Điện-triệt phong ba thám dạ khởi.
Không kỳ thế-lộ vạn thiên xuân*

Nghĩa là đánh nam chống bắc muốn sửa-sang, dựng qui-mô khi loạn lạc tạm được yên chẳng may sóng gió bở Điện-triệt đêm khuya nổi lên, còn mong gì ngôi vua được muôn nghìn năm !

Nhưng dù không được, cũng có công đắp nền độc lập cho nước ta. Bởi vậy nước ta hàng năm phải có ngày làm lễ kỷ niệm

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

THIÊN-Y-A-NA

Số 2

Mãn-khánh DƯƠNG-KY

Người Chăm kể. — Pô Ino Nogar, lại cổ tên là Mukjuk (Bà Đen) là vị nữ thần tối-linh của người Chăm, do mây và bọt biển sinh ra. Nữ thần có 97 người chồng trụ-trung thần Pô Yan Am là nổi danh hơn hết. Từng ấy vị phu quân đã cho nữ thần 38 người con gái. Lễ tất nhiên các cô này cũng đều thành thần cả; hiện nay người Chăm còn thờ 3 cô: Pô Nogar Dara và Tara Nai Anah (Phan-rang), Pô Bja Tikuh (Phan-thiết).

Bà Ino Nogar đã sáng tạo ra đất, gỗ quý, cỏ cây và lúa. Trời thích mùi thơm ngào-ngạt của chẹn lúa trộn với mùi trầm. Để cúng Trời, bà cho bay lên không một hạt lúa có cánh và trắng như mây. Vua Trời liền rải hạt lúa ấy thì sinh ra tất cả các thứ lúa. Người Chăm nhớ ơn nên lập đền thờ tại Yjatran (Nha-trang) và đặt bài kinh này đề cúng:

«Đời xưa ngài Pô Nogar xuống trần. Ngài sáng-tạo ra đất, trầm và lúa. Trầm cũng gỗ lĩn (một thứ trầm) là ở Ngài phát ra. Chung-quanh Ngài sức-nức mùi hương lúa ngọt-ngào. Chính Ngài đã làm hoạt-động cây bồ-đề linh-thiên. Kể nào sắp-sửa tằm miếng trâu, hoặc gửi mùi hương của một nạm lúa thì phải dâng quả cúng Ngài» (1).

So sánh hai chuyện trên kia, tuy khác nhau rất nhiều nhưng ta cũng có thể nhận thấy các chỗ này

giống nhau tỏ ra rằng hai dân-tộc Chăm Việt đều thờ một nữ-thần:

1.) Tên: Chữ Chăm Yno Nogar viết ra chữ Hán thành Thiên Y A Na.

2.) Cây trầm: Người An-nam nói nữ-thần biến vào cây trầm, người Hời lại bảo trầm ở nữ thần phát ra. Có lẽ ý cả hai bên đều muốn nói bà là cây trầm. Trong quan-niệm của dân tộc ta cũng như của dân-tộc Hời, cây-ối núi non đất đá đều là thần.

3.) Có công với dân vùng Nha-trang: Người mình nói:

*«Phương dân khi ấy dù đông,
Ấn làm rạch-rối còn không tỏ-tường.»*

*Chúa tiên lại đủ lòng thương
Dạy phương sinh-lý bảo đường lễ nghi.»*

Người Chăm lại bảo rằng: Ngài sáng-tạo ra đất, cây-cối, lúa, trầm. Ý nói rằng nữ-thần đã dạy dân trồng-trọt, đã cõ công giúp một dân-tộc còn ở thời-kỳ du-mục biết nghề canh-nông.

Như thế thì có lẽ Thiên-Y-A-Na chỉ là một người Hời, có quyền thế và có lòng tốt, sáng kiến, dạy dân Hời cách cấy-ấy, trồng trọt. Cảm ơn ấy, dân Hời lập đền thờ. Rồi lâu ngày, nhất là ở xã hội Hời những chuyện huyền-hoặc thêm-thắt vào mà biến thành chuyện kỳ-dị trên kia.

Một điều làm cho ta phải suy-nghĩ là pho tượng rất đẹp hiện

người Chăm đề thờ tại đền Pô-Nagar, chính là tượng của Uma, nữ-thần Ấn-độ trong đạo Bà-la-môn. Tạo sao vậy? Có lẽ vì người Chăm ngờ-nghech chăng? Hay đó là một cách phản-động buồn-cười của công chúng Chăm trước ảnh-hưởng của văn-minh Ấn-độ?

Vả chăng, như trong một số báo trước chúng tôi đã nói (2), văn-minh Ấn-độ hình như chỉ phủ một lớp vỏ mỏng trên quần chúng Chăm-thật-thoải. Thành thử, sau khi giải-táp văn-minh đã đặt tượng Uma lên tháp, quần chúng ngu-dốt đến độ thờ-cúng vẫn tưởng là nữ-thần bản xứ Pô-Yno Nogar. Chẳng bao lâu vì bị chiến bại luôn-luôn, giai cấp thượng lưu văn-minh ấy tiêu mòn gần hết, chỉ còn lại quần chúng ngờ-nghech sống vật sống vờ thì lấy ai mà bảo cho họ đó là tượng nữ thần Uma. Huống chi điều đó đối với họ cũng không quan hệ mấy, miễn có thần cho họ thờ cúng là đủ rồi.

Trình-độ quần-chúng Chăm hèn-kém như thế; nhưng nếu xét cho kỹ, thì thấy dù đến ngày nay, quần chúng ta cũng chưa hơn họ bao nhiêu; chính ngay tại điện Hồn-chén, khi các thiện-nam tín-nữ đến cúng lạy nữ thần Thiên-Y-A-Na mà lại xuýt xoa khấn vái Phật hay bà Liễu-hạnh!

Chung đụng với người Chăm hơn 10 thế-kỷ, những cái hay của họ, nhất là về mỹ-thuật (kiến-trúc, điêu-khắc) thì ta không bắt chước bao-lam, mà tại sao lại sẵn-sàng theo các tín-ngưỡng nhảm-nhỉ của họ như việc thờ cúng bà Thiên-Y-A-Na này?

Đó là vì ta đã có cái mầm của các tín-ngưỡng nhảm-nhi ấy rồi! Thực vậy, quần-chúng Việt-nam còn ở thời-kỷ tin thần, quỷ, tin thuyết linh-hồn (animisme). Họ còn thờ cúng những thiên-niên lực, và cho mỗi sức mạnh ấy là một vị thần, cũng thương, cũng ghét cũng ăn của dứt như người vậy. Thần-thánh của họ, dù cho đến ni-ưng kẻ đã sống thật trên đời này, đều có những sự-tí-hực-kỳ lạ-ngang-dương.

Đến các tôn-giáo ở ngoài pháp-cảng vào, quần chúng ta cũng chỉ mượn cái vỏ bề ngoài, chỉ hiểu theo trình-độ của mình, quan-niệm tin thần-thánh của mình, chứ không khi nào đạt đến một triết-lý cao-siêu. Chưa nào lại chẳng hiểu Phật, nhưng họ có theo đúng đạo của Thích-ca Mâu-ni đâu? Đạo Lão tr? Dân-chúng ta chỉ lợc lại cái phần thấp nhất là các cử-chỉ lỗ-láng của bọn phù-thủy. Triết-lý Khổng Mạnh? Chỉ dành riêng cho giai-cấp thượng lưu, quan-lại. Và chẳng sách xưa đã chẳng dạy như thế này hay sao: « Dân chỉ biết tuân theo luật, chứ không được bình-phẩm, tìm cách hiểu »?

Bị bỏ rơi, phó mặc các thần, quỷ, tà ma, dân-chúng lẽ tất-nhiên là đón những thần ngoại quốc, hợp với quan-niệm của mình, dù là thần Chăm, Tàu hay Mọi, để thờ thêm, ngõ hầu cho thỏa cái khao-khát tín-ngưỡng, thờ cúng của mình.

Nhưng thần Chăm vẫn nhiều: nọ là Pò-Yan-Amo, Pô Jata, Pô Yan Dari v... v... mà tại sao là chỉ lựa có nữ-thần Thiên-Y để cũng-tế một cách đặc-biệt như thế?

Là vì chính trong số các Thần-thánh của ta đã có bà Liễu-hạnh.

Chuyện bà ấy, đối với dân-chúng dễ-dàng như dân chúng Việt-nam cũng có thể bảo là gần giống như chuyện của bà Thiên-Y. Thi bà Liễu-hạnh cũng trên Trời xuống cũng có chồng con, rồi cũng lên trời, mà nhất là cũng hiền hách linh thông, cũng hể đồng về ban phúc, trừ tà (3). Từ Nam định Phố Cát bà Liễu-hạnh vào miền Trùng và Nam từ Trùng-ty đã gặp bà Thiên-Y, rồi với thời gian hai bà ấy lành như đã là một trong tri quần-chúng chất-phấn, vô-học, cả quần-chúng còn tin-tưởng vào thần hay thờ « chư-vị ».

Còn một lý-do sâu-xa nữa là tin đồ bà Thiên-Y cũng được nhảy múa lên đồng. Cách đây chẳng xa trước khi phong trào giải-phóng phụ-nữ chưa có ảnh hưởng ở xứ này, tục lệ cũng như luật pháp rất nghiêm khắc với đàn bà: phụ-nữ phải luôn luôn dè dặt, giữ gìn từng ly từng tý, không được đi bước nặng, không dám cười to, luôn luôn bị kiểm chế như vậy, trong thâm tâm làm sao cho thoải-mong ước một đôi phút thoát ly, cười đùa, để tất cả các ý muốn ngấm ngấm nhưng không kém phần bông-bột của đàn bà được phát triển tự nhiên. Thi đã có những nơi rất thuận tiện: đó là các đền chùa am miếu, là những chỗ luật pháp cũng như tục lệ không cấm họ tới lui. Thôi thì tha hồ, công nhiên làm đờm: đeo hoa tai, chít khăn

lụa, mặc áo mớ, thắt giây điều, đánh phấn, soi gương. Những điệu múa an-nhập với âm nhạc trầm bổng là cơ hội để cho họ được thỏa thích về xác thịt, những cái liếc mắt dại, những chuỗi hét the the, những cái uốn éo dè phỏ những đường cong

của thân thể, uốn nà: đều là những điều rất cấm đối với một người đàn bà biết giữ « dụng ngôn hạnh ».

Một nữ thần bao nhiêu điều thích như thế thì trước gì hồi xưa và cho đến ngày nay (!), dân ta, nhất là trong đám phụ-nữ không nô nức sùng bái.

Đến thế kỷ thứ 20 này, trong lúc nam-champ khỏi lửa, các nước đua tranh, mà dân ta, vốn đã tự-phụ có cái văn-luân mấy nghìn năm (!) còn có người rủ nhau vật bạc trăm bạc, nghìn đồ tin thần lay quỷ, cúng muợn, thờ vay như thế, thì ta cũng nên theo Cụ Phan-thạch Giản mà nhận rằng đó là một điều kỳ, một điều tối kỳ tối thượng-tâm vậy.

(Hết)

Mãn khánh DƯƠNG-KY

1) Muốn rõ thêm xin xem « Nouvelles recherches sur les Chams » của Cabaton.

2) Tri Tân số 93.

3) Xin kể sơ qua chuyện bà Liễu-hạnh để bạn đọc tiện bề so-sánh với bà Thiên-Y:

Nguyên bà là Công chúa Quỳnh-nương ở trên Trời. Trong lúc hầu một bữa tiệc trên ấy, bà vô ý đánh rơi làm vỡ một chén bằng ngọc. Vua Trời giận dầy bề xuống trần.

Vào năm Th ên-hưu nhà Lê (1557) bà giáng sinh làm con ông Lê thái Công, người vùng An-thái Văn cat, huyện Thiên-bản tỉnh Nam-dịnh.

Nhờ một thầy phù thủy cao tay đánh đồng-thiếp, Lê-thái Công biết được chuyện ấy, nên đặt cho bà tên là Giáng-thiên. Lớn lên, Giáng-thiên rất

Muốn xem giầu mùa vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

đẹp, giỏi văn-chữ trong, âm-nhạc. Sau kết duyên với Đào lang, con nuôi ông Trầt Lông. Nguyên 20 năm trước, Trầt-công đi giao chơi, gặp một hài-nhi bị bỏ dưới cây đào, liền đem về nuôi nấng và đặt cho tên là Đào lang. Lấy Đào-lang, sinh được một trai thì vua hết hạn bị đầy. Giáng-liên lại tên Trời. Nhưng tuy ở đây sung-sướng Giáng-liên vẫn nhớ mùi trần-lục, liền xin vua trời cho xuống lại trần. Vua Trời chuẩn ý cho là Liễu-hạnh Công-chúa.

Gặp lại Đào-lang, liền-nữ cho chàng hay rằng kiếp trước chàng là một ngôi sao châu trên Trời (Đế sở Hoàng tào), và cuộc tình-duyên của nàng và chàng tuy đứt đoạn, nhưng đến 20 năm nữa hai người sẽ lại lấy nhau. Nói xong Liễu-hạnh Công-chúa bay lên mây, rồi từ đó ngao du khắp thiên-hạ, từ Lạng-sơn đến Hồ-Tây, ngô Hòe-nhai, bến Đông-lân, chùa Báo-quốc, lầu Hoàng-dinh. Trong lúc ấy Đào-lang buồn rầu, chết.

Hai mươi năm sau, Đào lang đời một người học trò trai trẻ ở Sóc-hương (Nghệ-an). Liễu-hạnh Công-chúa lại lấy chàng và sinh được một trai. Thấy chồng chỉ thích làm thơ, Liễu-hạnh Công-chúa khuyên chàng nên học để đi thi. Chàng vâng lời, sau thi đậu được làm quan Hàn-lâm.

Nhưng một hôm kia, Liễu-hạnh đem chuyện thực kể cho chồng, rồi bay lên Trời. Đào-lang buồn rầu, bỏ quan lui về Sóc-hương.

Từ đây Liễu-hạnh Công-chúa hiện hách lạ lùng, đến Phố-Cát (Thanh-hóa) giúp người ngay trừ ác. Nhân dân tập đền thờ. Vua cho là việc dị-doan sai binh đến đuổi. Bà giận, rải bệnh dịch xuống giết cả súc vật lẫn người. Nhân-dân khiếp sợ kéo nhau đến tâu lên vua. Vua liền phong cho bà làm « Mã-Cái Công-chúa ». Sau vì có công giúp vua dẹp loạn, được phong làm « Chế Thắng Hòa Diên Đại Vương ». Vua Triệu Tri phong làm « Thượng Đẳng Thần ».

TRI-TÂN tặng giá

kể từ 1er Janvier 1944

Cùng các bạn đọc thân yêu,

Tri Tân lập chí ra đời đã được ba năm. Trên con đường tự vạch dù gặp nhiều nỗi khó khăn chúng tôi bao giờ cũng cố gắng mong chờ tờ báo được ngày thêm liên để khỏi phụ lòng tin cậy của các bạn đọc thân yêu trong 5 xứ.

Nói theo con đường sử học và văn học, chúng tôi nhiều khi đã lấy làm cảm kích trước những lời khuyến khích của các bạn quá yêu đã ban cho.

Đồng nhân Tri Tân chúng tôi đã cố gắng chịu hy sinh một sự thiệt thòi, để đáp lại mỗi thiện tình của các bạn xa gần.

Song sự hy sinh của chúng tôi đâu không bỏ bến nhưng mục tiền tài của chúng tôi không phải là kho vô tận. Trước giá giấy tăng và các vật liệu để in báo cũng đều theo mức đó mà đắt một cách vô ngần, chúng tôi bất đắc dĩ phải xin phép các bạn đọc nhắc giá báo lên để cho Tri Tân chúng tôi đỡ thiệt thòi.

Vậy kể từ 1er Janvier 1944 giá báo sẽ là :

Mỗi số 0\$40

Một năm 18.00

Sáu tháng 9.50

Ba tháng 5.00

Tuy vậy, đối với các bạn đọc cũ và mới, chúng tôi xin kính tặng một giá đặc biệt.

Bạn nào vẫn lưu tâm ủng hộ cho tờ Tri-Tân mà trả tiền trước ngày 31 Décembre 1943 xin tính theo giá cũ là :

Một năm 12\$00

Sáu tháng 6.50

Ba tháng 3.50

Xin các bạn đọc chiều tình cho sự khó khăn hiện thời mà lượng cho sự tăng giá đó. Tri-Tân chúng tôi xin cảm tạ.

TRI-TÂN

Tùy hứng**Qua Giục-thúy Sơn**

Ba dải sông vây núi một dèo ;
 Chùa cao, quán thấp, lối cheo-leo...
 Đau lòng tang hải vàng trơ nét !
 Chán mặt phong trần đá phủ meo !
 Rừng ngủ lằng lằng gương nước lằng,
 Cảnh ru lả lả ngọn lau rêu.
 Nắng loang trên nước, thuyền trên nắng,
 Rung động lòng mây mỗi dịp chèo...

VÂN-ĐÀI

**Đền vua Thục**

Liếc mắt với trông muôn dặm thu,
 Bao-la bốn mặt kéo sương mù.
 Lá vàng reo gió sầu vô-hạn,
 Ngọn suối bên đường lệ chứa khô.
 Thương thay hồ-hững chút binh-cơ,
 Nước mất, nhà tan, lúc bấy giờ !
 Cuộc gọi năm canh nghe khắc-khoải,
 Ánh trăng lai-láng bến sông xưa !
 Loa-thành ngày trước bây giờ đâu ?
 Trông lại tam-giang nổi sóng sầu.
 Thành bại là cơ trời đã định,
 Áo ta ướt thấm mấy giòng châu !
 Chước rượu nằm say trước gió thu,
 Đêm nay riêng để một ta sầu !
 Người qua đường nhấc triền vua trước,
 Ta đã quên rồi, đâu biết đâu ?

LAM GIANG

Đền đức Trần Hưng Đạo

Giời Nam, đất Bắc, tiếng anh-hùng,
 Thao lược, so vào bậc Thái-công.
 Sát Thát, hết lòng vì xã tắc ;
 Cầm Hồ, tỏ mặt với non sông.
 Lửa, hương Vạn-kiếp dân cầu phước ;
 Bia, sử Trưng-hưng, nước chép công.
 Tưởng tượng uy thần bao dạng thấy ?
 Bạch-đăng lênh láng tấm gương trong !

LÃNG-NGÂM-TU

**Đêm đông**

Ngoài hiên thánh-thót hạt mưa sa,
 Bên gối côn-trùng giọng thiết tha.
 Vi-vút tàu tiêu reo trước gió,
 Rì-rào lá liễu rụng quanh nhà.
 Mấy phen sương-tuyết lòng không nản,
 Bao thuở phong-trần chí vững ra.
 Chợt ngàng nhìn giới chưa thấy sáng,
 Đêm sao đặng đặng thế ru mà !

VÂN-THẠCH

**Trăng lặn**

Trăng nặng treo đầu tre uốn cong,
 Sương mờ mờ nhẹ mấy cánh thông.
 Những thôn xa vắng vừa khuya dậy :
 Ngộ ánh trăng tà, chỗ sửa không.

ĐÌNH PHƯƠNG

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHUÔNG MỖ

Số 10

CHU-THIÊN

Trong khi linh thị-vệ dâng trà, ngài vẫn vui-vẻ niềm nở nói :

— ... Tối qua khuya ta mới về, thấy nói các con sang chơi, ta mừng lắm. Nhưng ta đồ rằng đường xa đi mệt, nên ta không muốn sang quấy giấc ngủ của các con, Kim-Vân có đưa ta bức thư của Đoàn đại-vương. Xem xong thư, ta cảm động quá. Thầy con trách ta rất thành thực tha thiết, lắm chỗ khiến ta phải rung-rung nước mắt, mà mừng có người bạn ngay thẳng khăng-khái như vậy. Có phải là bạn chí thân chí tình thì mới chỉ trích thẳng nhau như vậy... Ta chỉ tiếc thầy con ở xa ta, mà lúc này kẻ không ra ta thì nhiều, nên họ theo dõi đồn đại ra lắm chuyện, làm cho thầy con hiểu nhầm ta. Chứ thực ta có phải dè tiện như thế đâu... Nguyễn-Nộn ngừng-lại, mời ba người uống nước, rồi cười hỏi tiếp Đoàn Văn :

— Chắc thầy con tức giận ta lắm nhỉ ?

Bị hỏi bất ngờ, giữa lúc đương mãi lắng nghe lời nói âu yếm như lời từ-huấn, chàng ngập-ngừng rồi mới đáp được :

— Tàu Điện-hạ...

Nguyễn-Nộn vội gạt phắt :

— Ấy đừng gọi thế nó xa-xôi cách bậc ra, cứ gọi thẳng ngay như trước : « Bác .. bác »...

Đoàn Văn sượng sùng cố giữ vẻ bình-tĩnh tiếp :

— Dạ, thưa... thưa bác, cứ kể tình đối với nhau, thì thầy cháu không bao giờ giận bác, nhưng kể về việc nghĩa, thấy bác đi ưng thuận kết thân với kẻ thù, tức thành ra kẻ thù rồi, lẽ tất nhiên là thầy cháu phải giận và muốn ra tay một mình trừ cả kẻ thù. Nhưng vì nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ, thầy cháu không im lặng mà cự tuyệt, nên mới có thư này dè sang hầu bác...

Nguyễn Nộn cười lớn, nói :

— Ta biết mà. Thầy con chỉ nghe người ta nói.

Nhưng Thịnh-nguyên cướp lời ngay :

— Tàu Điện-hạ, không ạ. Đại-vương tôi sở dĩ phải sai đệ thư lại Điện-hạ, là vì thấy Điện-hạ nghe theo lời Trần Thủ-Độ, đi trái với hạnh-phúc muôn dân chứ không phải Đại-vương tôi nghe theo ai cả. Đối với lòng ngay thẳng của Đại-vương tôi tỏ sáng như mặt trời, cái mưu-mò mập-mờ của Điện-hạ càng dễ cho người ta nghĩ ngờ lắm. Vậy có nhầm ra chăng nữa, là lỗi tại Điện-hạ, chứ không phải tại Đại-vương tôi.

Nguyễn-Nộn có vẻ không bằng lòng, hỏi lại :

— Sao lại tại ta ?

Đoàn-Văn sợ làm méch lòng Nguyễn-vương liền đỡ lời :

— Dạ, bẩm bác, công-tử đây theo ý thầy cháu mà thưa với bác như vậy. Bởi vì bác dụng mưu trong công việc này mà bác không báo cho thầy cháu biết, thì chả phải tại bác là gì ? Vả, bác nói vậy thì chúng cháu tin vậy, chứ đã có bằng cứ gì chắc chắn rõ-rệt mà bảo người ta khỏi ngờ sao được ?

Nguyễn-Nộn ngồi gật gù ngẫm-nghĩ một lúc rồi cười nói :

— Sao lại không có bằng cứ ? Ý định của ta, chắc Kim-Vân đã nói rõ với các con rồi, nên các con mới vận đến bằng chứng. Thì này nhé : Ta sở dĩ ưng thuận lời Trần Thủ-Độ là muốn dùng cái kế « dĩ Tần công Tần » đó thôi, chứ có phải ham gì sắc, thiết gì lợi. Cho nên, mới cười về xong, mà ta cũng bỏ mặc ngay đấy, đi bàn việc riêng với các bạn đồng-

*Dạy học thuốc và chuyên
chữa nội-khoa
theo thầy-thức*

ĐÔNG-PHƯƠNG

chỉ có :

Thượng-Đức

15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

chỉ ở tận nơi xa, đó là một. Hai nữa, cô dâu mới về chực dùng miệng lưỡi ngon-ngọt dò la ý-tư ta, ta cũng ư hử qua loa, đề che mặt, rồi vẫn giót riêng ra một căn phòng cách biệt, giao cho bọn thị nữ tâm phúc hầu hạ, chứ có được biết một tí gì về việc dùng binh của ta đâu. Điều thứ ba nữa, mà là điều quan-trọng nhất, ấy là ta sắp sửa tiến đánh họ Trần. Ai cũng biết rằng họ Trần làm thân với ta không phải thực bụng. Họ chỉ lợi dụng mình và muốn đem sắc đẹp vào mê hoặc mình hay ít ra cũng là để dò xét được ít nhiều tình-hình bên mình... Nay nhân lúc họ đương hí hửng mừng thầm ta cử binh đánh luôn cho họ giở tay không kịp... Đề ta viết thư xin lỗi với thầy con và hẹn thầy con cùng ngày cất quân.... Chắc thầy con

không nở giận nữa, có phải không các con?

Nguyễn-Nộn nói một hơi bông-bột và cứng cỏi lại có vẻ thành-thực quả-quyết. Mấy người ngồi nghe đều ra chiều xiêu-xiêu cảm phục, và nghe thấy hỏi, công-tử Thịnh-nguyên liền đỡ Đoàn-Van đáp ngay:

— Tàu Điện-hạ, Điện-hạ nghĩ được chu đáo như vậy thật là đại phúc cho trăm họ. Đại-vương tôi tất sẽ bội phần cảm kích và phấn khởi vì cái mưu sâu-sắc của Điện-bạ...

Mỉm cười đắc thắng, Nguyễn-Nộn liền-thoảng ngắt:

— Ta sẽ viết thư ngay, các con chỉ còn đủ thì giờ đi xem qua dinh trại ta xét tình hình binh-bị và ngấm nghĩ xem lời ta nói có đúng không. Đề ta bảo Kim-Vân nó đưa các con đi chơi.

Ai nấy đều lộ vẻ hoan lạc, vội cùng đáp:

— Lũ tiểu-tướng chỉ cầu được thư phúc đáp ngay. Còn đi chơi hay không, cái đó không cần lắm. Lũ tiểu-tướng tin ở lời Điện-bạ là đủ.

(Còn nữa)
CHU-THIÊN

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Linh các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xử nóng.	2 00
Khoa chữa phôi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
cước quyền lớn	0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.

Hoi: M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc long 22 Tientsin Hanoi.

XƯƠNG CA VÔ LOẠI I

- Nghề ca hát có phải là một nghề vô loại không?
- Đó là một câu hỏi mà từ trước tới nay phần đông vẫn trả lời một cách rất mập mờ.
- Vậy xin các ngài hãy đọc cuốn:

SỰ-TÍCH VÀ NGHỆ-THUẬT HÁT-BỘ

Gày ngót 400 trang và 13 bức vẽ của ông Đoàn-Nồng giáo sư trường Khải Định Huế, thì các ngài sẽ thấy Hát Bộ của ta là một nghề cao quý, đầy ý nghĩa, kiêu văn chương và mỹ thuật. Không những thế cuốn sách này còn trang lại cho chúng ta những cái tinh-hoa về văn hóa cũ của tiền nhân chúng ta để lại. Vì trong cuốn này, ngoài việc nghiên-cứu, tác-giả còn kể lại cốt chuyện và sao lục nguyên văn các vở tuồng hay. Đọc cuốn này các ngài sẽ phân biệt được các điệu hát và sẽ nhận ngay ra đúng hay sai điệu khi nghe đào kép mần tuồng.

Mỗi cuốn 3\$00 thêm cước 0\$47

Loại đặc-biệt 6\$ thêm cước 0\$47

Thư và ngân phiếu gửi về:
Nhà in Mai-Linh Hanoi

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương! lạ nhất nhân-loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy biến thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giá phương Đông theo gót nhiều nghiên-cứu và chu-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-dị, bao quát tất cả các lẽ trong vũ trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ gày trên dưới 2000 trang
in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Sách giấy thường	sẽ bán từ	20\$00
Sách lụa đỏ	(đựng hộp bọc lụa)	50. 0
Hàng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00
thêm cước gửi ngoài		

Thư và ngân phiếu xin gửi về
Nhà in MAI-LINH Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

**Một giai-phẩm của thư-xã
ALEXANDRE DE RHODES**

TRUYỆN TRẺ-CON của PERRAULT
Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu bản dịch của
ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH bìa 4 màu của họa-sĩ
MẠNH-QUỲNH 140 trang khổ lớn album
22x32 toàn tranh ảnh

... hơn 300 năm nay, những chuyện thần-
tiên bất-hủ như: « con Lọ-Lem, con yêu
Râu-Xanh, thằng bé Tí-Hon, Hoàng-tử
có bươm » v. v... đã làm vui buồn mừng giận
bao nhiêu trẻ em trên thế-giới.

Thư-xp Alexandre de Rhodes, đã
cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông NG.
VĂN-VĨNH, kèm thêm nguyên-văn là một áng
văn trong-trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản thường 2\$50 (cước 0\$60)
Bản giấy Đại-La 12\$00 (— 1,20)

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của**Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÀU****I — Đã xuất-bản :**

- A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng
trong các Học-Đường Đông Pháp :
1) *Trịnh-gia Chính Phả* (in lần thứ hai) hết
2) *Hưng-yên địa-chí* —
3) *Gương Luân-Lý* —
4) *Bắc-giang địa-chí* dày 284
trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1\$05

- B) 5) *Vị-tiền* hết
6) *Hoa-xưa ông cũ* Giá cũ 0\$30
7) *Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể* (du-ký) 2\$00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao
« nhiều anh-hùng lữ dấn vết, có bao nhiêu danh-
« sĩ đáng-lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy
« là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và
« lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình-
« đi đến đâu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân,
« tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của
« đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-
« cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà
« du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay ! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bá Nguyễn-can-Mộng

II — sắp xuất-bản :

Uyên-Hải 1ứ-Bình ; — Ngàn treo Đanh (huyện Đinh
Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chí.

— Xin viết thư cho :

Nhật-nham Trịnh-như-Tàu, Tham-tá phủ Thống-sứ Bảo-ký
hay Biên-tập-viên Tập-chí Tri-Tân
95-97 Rue Chanceaulme hanoi

HÃY ĐÓN COI :**QUANG-TRUNG**

của HOA-BẰNG

— Nước Pháp có Nã-phá-Luân đã từng làm
cung-động hoàn cầu trong một thời.

— Nước ta cũng có vua Quang Trung đã
sống những giờ oanh liệt mà làm rạng vẻ non
sông đất Việt.

— Chúng ta là người Việt-nam, vậy chúng ta
cần phải đọc lịch sử bực đại anh hùng do đề ôn
lại những hành vi xuất chúng của ngài.

— Cuốn lịch sử kỳ sự Quang-Trung của
Hoa-Bằng viết rất công phu. Ngoài những tài
liệu thu thập trong các sách báo và sách pháp,
có ẩn và tiền về thời vua Quang Trung và có
cả hai bản đồ vẽ rõ chiến lược của ngài.

— Sách in có hạn. Các bạn đọc muốn mua
xin viết thư nhận trước.

TỦ SÁCH « TÀN VĂN HÓA »
HÀN THUYỀN XUẤT BẢN



mới có bán :

Thân thể và sự nghiệp

LÊ THÁNH TÔN

CHU THIÊN khảo cứu

Đời vua Lê Thánh Tôn là một đời thịnh-trị
vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam ta.
Ai muốn biết nội dung bộ Luật Hồng Đức, sự
lô chức viên hàn làm TAO ĐÀN do Lê Thánh-
Tôn sáng lập và chủ lịch, ảnh hưởng của đời
ấy đến tâm hồn Việt nam — không thể bỏ qua
được quyển sách này.

Giá 3\$00

ĐÃ XUẤT BẢN

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP

của LÊ VĂN-SẾU

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của NGHIÊM-TỬ

HÀN THUYỀN : 71 Tien tsin Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi